

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

SÁCH TRẮNG

CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM

(Thông tin và số liệu thống kê)

2024

(Thông tin và số liệu thống kê)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nhân kỷ niệm 79 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2024), Tổng Bí thư Tô Lâm có bài viết: “Chuyển đổi số - Động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”. Tại bài viết này, Tổng Bí thư đã nhấn mạnh “Chuyển đổi số - Động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”, “Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại” - “phương thức sản xuất số”.

Công nghiệp công nghệ thông tin là lực lượng chủ lực phát triển các hạ tầng, nền tảng, dịch vụ, tư vấn, cung cấp giải pháp chuyển đổi số; đi từ ứng dụng, đến sản phẩm, dịch vụ, đến làm chủ một số công nghệ lõi, từ đó, vươn ra thị trường toàn cầu, góp phần thay đổi toàn diện cả về tổ chức, quy trình kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp đến sự tham gia của con người trong quá trình thực hiện. Không chỉ vậy, trong những năm qua ngành công nghiệp này đã trở thành một trong những ngành kinh tế chủ lực đóng góp hết sức quan trọng vào tăng trưởng kinh tế đất nước. Trong giai đoạn 2018-2023, doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin của Việt Nam liên tục tăng trưởng, từ gần 103 tỷ USD năm 2018 lên trên 137 tỷ USD năm 2023. Công nghệ thông tin cũng là ngành có 2 mặt hàng đứng đầu trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là máy tính và linh kiện, điện thoại và linh kiện với tổng kim ngạch năm 2023, đạt trên 117,3 tỷ USD (xuất siêu 18 tỷ USD). Việt Nam cũng thuộc nhóm 10 quốc gia xuất khẩu công nghệ thông tin đứng đầu toàn cầu về 4 mặt hàng là điện thoại di động, linh kiện máy tính, thiết bị máy tính, linh kiện điện tử (xem thêm mục Thứ hạng công nghệ thông tin Việt Nam).

Những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua là minh chứng cho sự cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đã và đang nỗ lực chung tay xây dựng nền công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số Việt Nam. Các kết quả này được thúc đẩy bởi sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành và địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, sự thu hút hiệu quả và thành công vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là doanh nghiệp công nghệ số lớn từ nước ngoài vào Việt Nam.

Nhằm cung cấp bức tranh tổng quan về tình hình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam nói chung cũng như tình hình phát triển

công nghiệp công nghệ thông tin của các địa phương nói riêng, Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông, Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng giới thiệu tới Quý độc giả Sách Trắng Công nghiệp Công nghệ thông tin Việt Nam năm 2024 (Sách Trắng).

Đây là lần đầu tiên Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông biên soạn và phát hành Sách Trắng chuyên biệt về công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam với những nội dung chính như sau: 1) Toàn cảnh công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam; 2) Số liệu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam và 3) Xếp hạng phát triển công nghiệp công nghệ thông tin của các địa phương. Ban biên soạn kỳ vọng Sách Trắng sẽ là tài liệu tham khảo giá trị cho các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, nhà đầu tư và các bên liên quan trong và ngoài nước.

Chúng tôi trân trọng gửi lời cảm ơn tới các bộ, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị liên quan, các hiệp hội, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông trên cả nước, đặc biệt là Tổng cục Thống kê, Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo; các tổ chức, cá nhân đã hỗ trợ cung cấp thông tin, số liệu và đóng góp cho việc xây dựng Sách Trắng.

Số liệu trong Sách Trắng 2024 được tổng hợp, phân tích từ số liệu đến hết ngày 31/12/2023 của các bộ, ngành, địa phương và từ các nguồn số liệu khác được trích dẫn trong sách. Nội dung của Sách Trắng không phản ánh quan điểm chính thức của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc các cơ quan liên quan. Ban Biên soạn không chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng hay diễn giải thông tin từ Sách Trắng này.

Ban Biên soạn xin cảm ơn những ý kiến đóng góp của Quý độc giả để nội dung Sách Trắng sẽ hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản tiếp theo.

Trân trọng!

TS. Nguyễn Khắc Lịch

CỤC TRƯỞNG CỤC CÔNG NGHIỆP
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	3
THÔNG TIN CHUNG	7
PHẦN I. TOÀN CẢNH CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM	9
1. Bối cảnh thế giới và Việt Nam	10
2. Công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam	12
3. Thứ hạng công nghệ thông tin Việt Nam trên thế giới	13
4. Phát triển khu công nghệ thông tin tập trung	17
5. Một số hoạt động, sự kiện nổi bật về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam năm 2023	18
6. Phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin	19
7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	21
7.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023	21
7.2. Xuất, nhập khẩu công nghệ thông tin	22
7.3. Lợi nhuận trước thuế của công nghiệp công nghệ thông tin	25
8. Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin	25
9. Phát triển nhân lực công nghệ thông tin	25
9.1. Thị trường lao động công nghiệp công nghệ thông tin	25
9.2. Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin	27
10. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin tại địa phương	28
10.1. Phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin	28
10.2. Doanh thu công nghệ thông tin tại địa phương	30
10.3. Tổng lợi nhuận trước thuế của các địa phương	32
10.4. Lao động công nghiệp công nghệ thông tin tại địa phương	32
11. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin	33
11.1. Luật	33
11.2. Nghị định của Chính phủ	33
11.3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	34

11.4. Định hướng chính sách cho công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam trong thời gian tới	35
11.5 Lộ trình phát triển hành lang pháp lý trong thời gian tới	37
PHẦN II. SỐ LIỆU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM	37
PHẦN III. XẾP HẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023	45
1. Số doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành công nghiệp công nghệ thông tin	46
2. Doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin	53
3. Kim ngạch xuất khẩu công nghiệp công nghệ thông tin	58
4. Lợi nhuận trước thuế của công nghiệp công nghệ thông tin	62
5. Lao động ngành công nghiệp công nghệ thông tin	65
PHẦN IV. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN MAKE IN VIET NAM TIÊU BIỂU	70
1. Các sản phẩm Make in Viet Nam đạt giải cao tại Giải thưởng công nghệ số ASEAN 2024 tại Singapore tháng 01/2024	71
2. Sản phẩm đạt Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số xuất sắc Make in Viet Nam	72
2.1. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số xuất sắc cho chính phủ số	72
2.2. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số xuất sắc cho kinh tế số	73
2.3. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số xuất sắc cho xã hội số	74
2.4. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số xuất sắc cho thị trường nước ngoài	75
2.5. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số tiềm năng	77
PHẦN V. CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VỀ CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM	78
1. Cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin tại trung ương	79
1.1. Cơ cấu tổ chức	79
1.2. Chức năng nhiệm vụ	79
1.3. Địa chỉ	79
2. Các cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin tại địa phương	79
3. Các hội/hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến công nghiệp công nghệ thông tin	85



THÔNG TIN CHUNG

Tên nước: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Diện tích: **331.344,8 km²**

Tổng dân số trung bình tính đến 31/12/2023: **100.300.000** người

GDP năm 2023: **430** tỷ USD

GDP bình quân đầu người năm 2023: **4.284** USD

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023: **5,05%**

Giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ năm 2023: **355,5** tỷ USD

Giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ năm 2023: **327,5** tỷ USD

Tỷ giá VND/USD thị trường liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 31/12/2023: **23.866** VND

(Nguồn: Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)



TOÀN CẢNH CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM



1. BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Năm 2023, kinh tế thế giới phải đối mặt với nhiều khó khăn, xung đột khó lường. Năm 2023 là năm kế tiếp 02 năm đại dịch Covid-19 lan tràn khắp toàn cầu. Cuộc chiến Nga - Ukraine bước sang năm thứ hai đã làm thay đổi cục diện thế giới, làm gián đoạn các chuỗi cung ứng liên quan, gây hệ quả nghiêm trọng cho nền kinh tế toàn cầu. Cạnh tranh kinh tế giữa 2 siêu cường Hoa Kỳ - Trung Quốc, trong đó có cạnh tranh trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chip bán dẫn có những tác động mạnh mẽ đến chuỗi cung ứng toàn cầu, trong đó có Việt Nam, bao gồm cả tác động tích cực và tiêu cực. Lạm phát tiếp tục neo ở mức cao, tăng trưởng thương mại yếu và niềm tin người tiêu dùng chậm phục hồi. Trong bối cảnh ấy, nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên kiểm chế lạm phát. Tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm ở nhiều nước, kể cả các nền kinh tế lớn trong khi thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh việc gia tăng các quy định về phát triển bền vững ảnh hưởng đến nhập khẩu, nhiều nước cũng gia tăng bảo hộ thương mại.

Suy thoái kinh tế toàn cầu cùng bất ổn, gia tăng căng thẳng chính trị giữa các nước lớn đã có tác động đến kinh tế Việt Nam năm 2023, trong đó có ngành công nghiệp công nghệ thông tin, dẫn đến sụt giảm mạnh về cả doanh thu và xuất khẩu công nghệ thông tin. Đặc biệt, tác động của hậu đại dịch Covid-19 đến Việt Nam tuy chậm hơn phần còn lại của thế giới nhưng lại ảnh hưởng lên chuỗi cung ứng toàn cầu, làm giảm tổng cầu toàn cầu dẫn đến sụt giảm doanh thu xuất khẩu công nghệ thông tin của Việt Nam trong năm 2023.

Ngoài ra, biến đổi khí hậu cũng là nguyên nhân mới ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành công nghệ thông tin. Việc cắt điện hàng loạt vào tháng 5 và 6 năm 2023 do hạn hán đã làm các doanh nghiệp ở miền Bắc (trong đó có các doanh nghiệp phần cứng điện tử) tổn thất về doanh thu lên đến 10%.⁽¹⁾

Samsung Việt Nam là doanh nghiệp đóng góp tới 52% tổng doanh thu và xuất khẩu phần cứng, điện tử của Việt Nam. Năm 2023 chứng kiến sự suy giảm cả về doanh thu và lợi nhuận của tập đoàn công nghệ này trên toàn cầu và ở Việt Nam. Ở quy mô toàn cầu, Samsung Electronics ghi nhận doanh thu đạt 194 tỷ USD, giảm 14,2% so với năm 2022. Tại Việt Nam, tổng doanh thu của 4 nhà máy của Samsung là SEVT, SEV, SDV và SEHC đạt 60,6 tỷ USD, giảm 15% so với năm 2022, tương đương 10,3 tỷ USD. Tương tự, lợi nhuận của Samsung Việt Nam cũng giảm 11% so với năm 2022.

⁽¹⁾ <https://tienphong.vn/viet-nam-thiet-hai-14-ty-usd-vi-thieu-dien-post1559172.tpo>

Bảng 1. Doanh thu và lợi nhuận của Samsung Việt Nam năm 2022 và 2023

Đơn vị tính: tỷ USD

Nhà máy	Doanh thu 2022	Doanh thu 2023	Lợi nhuận 2022	Lợi nhuận 2023
SEVT	27,1	23,0	2,1	1,7
SEV	17,6	15,0	1,2	1,1
SDV	21,2	18,0	0,9	0,8
SEHC	4,4	4,6	0,3	0,3
Tổng cộng	70,3	60,6	4,4	3,9

Nguồn: Báo cáo Tài chính Samsung Electronics⁽²⁾

Sau hai năm chống chọi với dịch bệnh, tiếp đến là những biến động khó đoán định trên thế giới, khiến doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề gặp khó khăn, sức chống chịu suy giảm đáng kể bởi chi phí tăng cao, thị trường sụt giảm. Ở trong nước, sức mua tăng chậm, niềm tin kinh doanh có xu hướng chững lại; cùng với những hậu quả nặng nề bởi thiên tai đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Việt Nam bước vào thực hiện kế hoạch năm 2023 với cả cơ hội và khó khăn, thách thức. Bên cạnh việc xử lý các tác động, thách thức từ bối cảnh quốc tế, Việt Nam cũng phải nỗ lực xử lý, tháo gỡ những vấn đề tồn đọng, tích tụ từ nhiều năm trong nền kinh tế..., đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Quy mô GDP năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 102,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD, tăng 5,05% so với năm 2022. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành đạt 102,2 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022.

Năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 453,693 tỷ USD, tăng 22,3% so với năm 2022. Việt Nam đứng thứ 6 trong nhóm 10 nước xuất khẩu dẫn đầu châu Á.

⁽²⁾ <https://plo.vn/ket-qua-kinh-doanh-cua-samsung-tai-viet-nam-ra-sao-post777178.html>

*Bảng 2. Top 10 quốc gia/vùng lãnh thổ xuất khẩu hàng đầu châu Á năm 2023
(tất cả các mặt hàng)*

TT	Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Giá trị (USD)	So với năm 2022
1	Trung Quốc	3.388.716.312.000	-5,7%
2	Nhật Bản	719.844.077.000	-4,3%
3	Hàn Quốc	632.225.745.000	-7,5%
4	Hồng Kông	576.144.442.000	-5,8%
5	Singapore	475.472.598.000	-7,7%
6	Việt Nam	453.693.562.000	+22,3%
7	Đài Loan	432.955.571.000	-9,5%
8	Ấn Độ	431.418.488.000	-4,7%
9	Malaysia	312.964.855.000	-11,4%
10	Thái Lan	280.087.768.000	-1,4%

Nguồn: <https://www.worldstopexports.com/top-asian-export-countries/>

2. CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM

Công nghiệp công nghệ thông tin ngày càng khẳng định vai trò trọng yếu cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được nhấn mạnh trong các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị (Khóa XII) đã chỉ rõ định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với quan điểm phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo là trung tâm; phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá; chú trọng phát triển công nghiệp xanh. Chủ trương đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp: công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử ở trình độ tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác.

Năm 2023, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự đồng tình, chia sẻ, ủng hộ của các bộ, ngành, địa phương; quán triệt phương châm hành động của Chính phủ, đồng thời bám sát quan điểm phát triển theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đề ra định hướng phát triển: Công nghiệp công nghệ số với trọng tâm là thiết kế, sáng tạo và sản xuất tại Việt Nam

là ngành công nghiệp chủ lực, là động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần nâng cao năng lực toàn diện về chuyển đổi số, thúc đẩy hình thành quốc gia số. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam phát triển trong nước và vươn ra chinh phục thế giới, đặc biệt là phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong ngành thông tin và truyền thông. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể chế thúc đẩy phát triển lĩnh vực; Phát triển công nghiệp công nghệ số lấy doanh nghiệp là trung tâm, chất lượng và thương hiệu sản phẩm là nền tảng, nhân lực tài năng số là then chốt. Xác định phương châm hành động xuyên suốt “Thúc đẩy phát triển là trọng tâm - Quản lý để nâng cao chất lượng và thương hiệu công nghệ số Make in Viet Nam”.

Cùng với làn sóng FDI, sự bùng nổ của các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, blockchain, dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT) đã tạo nền tảng cho các doanh nghiệp công nghệ số trong nước xây dựng và triển khai nhiều ứng dụng thông minh trong các lĩnh vực khác nhau. Các doanh nghiệp trong nước tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, góp phần đưa ra nhiều sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo định hướng Make in Viet Nam, đóng góp cho sự thông minh hóa, hiện đại hóa các ngành, lĩnh vực kinh tế xã hội của Việt Nam. Năm 2023 cũng chứng kiến hơn 1.500 doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam mạnh mẽ bước ra thị trường thế giới, trong đó có những thị trường rất khó tính và mới mẻ như Hàn Quốc, Trung Quốc bên cạnh các thị trường truyền thống là Hoa Kỳ, Nhật Bản.

Năm 2023 đã tạo nền tảng quan trọng để ngành công nghiệp công nghệ thông tin tiếp tục bứt phá trong những năm tiếp theo. Với sự đầu tư đúng hướng và chiến lược phát triển hiệu quả, công nghiệp công nghệ thông tin không chỉ đóng góp lớn vào GDP quốc gia mà còn là lực lượng chủ lực trong việc xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Đây chính là động lực để Việt Nam khẳng định vị trí trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Năm 2023 cũng là một năm ghi dấu nhiều chuyển biến trong hoạt động của ngành công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam khi khung hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển được Đảng, Chính phủ quan tâm chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện, mở rộng không gian phát triển mới cũng như tiếp tục ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghệ thông tin, như ưu đãi thuế, đào tạo nhân lực và xây dựng hạ tầng công nghệ số.

3. THỨ HẠNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM TRÊN THẾ GIỚI

Theo số liệu của WorldsTopExport, Việt Nam là một trong 10 quốc gia dẫn đầu về xuất khẩu công nghệ thông tin trên thế giới. Theo đó, trong bảng xếp hạng về xuất khẩu hàng đầu trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin công bố năm 2023, Việt Nam có 4 mặt hàng thuộc top 10 thế giới là:

- ✓ Đúng thứ 2 thế giới về xuất khẩu điện thoại di động và linh kiện, bao gồm điện thoại thông minh, đạt 31,9 tỷ USD, chiếm 11,8% thị phần toàn cầu;
- ✓ Đúng thứ 5 thế giới về xuất khẩu linh kiện máy tính, đạt 11,4 tỷ USD, chiếm 9% thị phần toàn cầu;
- ✓ Đúng thế 6 thế giới về xuất khẩu thiết bị máy tính, đạt 19,1 tỷ USD, chiếm 4.7% thị phần toàn cầu;
- ✓ Đúng thứ 8 thế giới về thiết bị linh kiện điện tử với giá trị là 32,6 tỷ USD, chiếm 3,4% thị phần toàn cầu.⁽³⁾

Việt Nam - Top 10 xuất khẩu công nghệ thông tin toàn cầu

Top 2 xuất khẩu điện thoại di động và linh kiện

Top 5 xuất khẩu linh kiện máy tính

Top 6 xuất khẩu thiết bị máy tính

Top 8 thiết bị linh kiện điện tử

Top 7 xuất khẩu dịch vụ phần mềm

Bảng 3. Top 10 quốc gia/vùng lãnh thổ dẫn đầu thế giới về xuất khẩu điện thoại di động và linh kiện

Xếp hạng	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Xuất khẩu (tỷ USD)	Tỷ lệ tổng xuất khẩu toàn cầu (%)
1	Trung Quốc	137	50,5
2	Việt Nam	31,9	11,8
3	Hồng Kông	26,3	9,7
4	Ấn Độ	14,3	5,3
5	Cộng hoà Séc	10,8	4
6	Hoa Kỳ	9,2	3,4
7	Singapore	5,4	2
8	Slovakia	4	1,5
9	Hà Lan	3,8	1,4
10	Áo	3,8	1,4

Nguồn: <https://www.worldstopexports.com/cellphone-exports-by-country/>

⁽³⁾ <https://www.worldstopexports.com/category/products/electronics/page/2/>

Bảng 4. Top 10 quốc gia/vùng lãnh thổ dẫn đầu thế giới về xuất khẩu linh kiện máy tính

Xếp hạng	Nước/Quốc gia lãnh thổ	Xuất khẩu (tỷ USD)	Tỷ lệ tổng xuất khẩu toàn cầu (%)
1	Trung Quốc	28,8	22,8
2	Hồng Kông	21,8	17,3
3	Đài Loan	14,3	11,4
4	Hoa Kỳ	14,1	11,1
5	Việt Nam	11,4	9
6	Hàn Quốc	9,1	7,2
7	Singapore	2,9	2,3
8	Đức	2,8	2,2
9	Hà Lan	2,5	2
10	Thái Lan	2,3	1,9

Nguồn: <https://www.worldstopexports.com/computer-accessories-exports-country/>

Bảng 5. Top 10 nước/vùng lãnh thổ dẫn đầu thế giới về xuất khẩu thiết bị máy tính

Xếp hạng	Nước/Quốc gia lãnh thổ	Xuất khẩu (tỷ USD)	Tỷ lệ tổng xuất khẩu toàn cầu (%)
1	Trung Quốc	149,9	36,7
2	Đài Loan	39	9,6
3	Hoa Kỳ	30,6	7,5
4	Mexico	29,4	7,2
5	Hồng Kông	26	6,4
6	Việt Nam	19,1	4,7
7	Hà Lan	16	3,9
8	Đức	15	3,7
9	Cộng hoà Séc	12,1	3
10	Thái Lan	10,2	2,5

Nguồn: <https://www.worldstopexports.com/computer-device-exports-country/>

Bảng 6. Top 10 nước/vùng lãnh thổ dẫn đầu thế giới về xuất khẩu linh kiện điện tử

Xếp hạng	Nước/Quốc gia lãnh thổ	Xuất khẩu (tỷ USD)	Tỷ lệ tổng xuất khẩu toàn cầu (%)
1	Hồng Kông	194	19,9
2	Đài Loan	166,8	17,1
3	Trung Quốc	136,6	14
4	Singapore	104,5	10,7
5	Hàn Quốc	86,1	8,9
6	Malaysia	74,8	7,7
7	Hoa Kỳ	43,6	4,5
8	Việt Nam	32,6	3,4
9	Nhật Bản	30,9	3,2
10	Philippines	26	2,7

Nguồn: <https://www.worldstopexports.com/electronic-circuit-component-exports-country/>

Về phần mềm, theo Báo cáo Chỉ số địa điểm dịch vụ toàn cầu (Global Service Location Index - GSLI) năm 2023 của Tập đoàn A.T. Kearney, Việt Nam xếp vị trí thứ 7 trong top 10 quốc gia trên thế giới (giảm 1 bậc so với năm 2021). Trong 4 chỉ số thành phần cấu thành chỉ số GSLI gồm: (1) Sức hấp dẫn tài chính; (2) Kỹ năng và sự sẵn có của con người; (3) Môi trường kinh doanh và (4) Cộng hưởng kỹ thuật số (hoạt động chuyển đổi số), Việt Nam tiếp tục được đánh giá cao về chỉ số Sức hấp dẫn tài chính và Cộng hưởng kỹ thuật số.⁽⁴⁾

Quốc gia/vùng lãnh thổ	Xếp hạng năm 2023	Xếp hạng năm 2021	Δ
 Ấn Độ	1	1	—
 Trung Quốc	2	2	—
 Malaysia	3	3	—
 Brazil	4	5	1
 Vương quốc Anh	5	8	3
 Indonesia	6	4	-2
 Việt Nam	7	6	-1
 Hoa Kỳ	8	7	-1
 Thái Lan	9	10	1
 Mexico	10	11	1

 Tăng  Giảm  Không thay đổi

Nguồn: Kearney

Hình 1. Top 10 nước dẫn đầu thế giới về Chỉ số địa điểm dịch vụ toàn cầu năm 2023

Tại khu vực ASEAN, Việt Nam đứng đầu trong 10 nước ASEAN về số lượng giải thưởng và số lượng giải vàng tại Giải thưởng Công nghệ số ASEAN (Asean Digital Award 2024) tổ chức tại Singapore tháng 01/2024. Các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đã giành được với 04 giải thưởng trên tổng số 18 giải, bao gồm 02 Giải Vàng là:

⁽⁴⁾ <https://www.kearney.com/service/digital-analytics/gsli/2023-full-report>

- ❖ Sản phẩm DrAid CT Liver Cancer D&T của Công ty VinBrain
- ❖ Sản phẩm “Chơi mà học” ICANKid của Công ty Galaxy Education JSC;

02 Giải Bạc là:

- ❖ Sản phẩm Hệ sinh thái Nông nghiệp số MobiFone Digital Agricultural Platform của Tổng Công ty Mobifone
- ❖ Sản phẩm Vio Edu Online Education System của Tập đoàn FPT.

4. PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Khu CNTT tập trung đầu tiên được thành lập tại Việt Nam là Khu Công viên Phần mềm Quang Trung (QTSC), được thành lập vào ngày 16/03/2001. Đến nay, Khu Công viên Phần mềm Quang Trung có quy mô với diện tích 43 ha, đã thu hút được 149 doanh nghiệp CNTT trong đó có 6 doanh nghiệp có quy mô trên 1.000 người với 650 sản phẩm, giải pháp và là nơi phục vụ cho 21.707 người làm việc, học tập thường xuyên.

Tính hết năm 2023, trên toàn quốc có 07 khu CNTT tập trung, trong đó có 05 khu đang hoạt động là Khu Công viên phần mềm Quang Trung - TP. Hồ Chí Minh, Khu Công viên phần mềm Đà Nẵng, Khu CNTT tập trung Cầu Giấy - TP. Hà Nội và Khu CNTT tập trung Đà Nẵng, Khu Phúc hợp Văn phòng FPT Đà Nẵng. 02 khu đang trong quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng là Khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội và Khu CNTT tập trung TP. Cần Thơ. Bên cạnh đó, có 2 dự án khu CNTT tập trung đã được bổ sung vào quy hoạch phát triển khu CNTT tập trung đến năm 2025 theo Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Bảng 7. Hiện trạng các Khu CNTT tập trung đang hoạt động hoặc có trong quy hoạch

STT	Tên gọi	Quy mô (ha)	Hiện trạng
I	Khu đang hoạt động		
1	Công viên phần mềm Quang Trung	43	Hoạt động
2	Công viên phần mềm Đà Nẵng	1,08	Hoạt động
3	Khu CNTT tập trung Cầu Giấy - Hà Nội	8,3	Hoạt động
4	Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội	31,14	Đang đầu tư xây dựng
5	Khu CNTT tập trung Đà Nẵng	131	Hoạt động
6	Khu CNTT tập trung Cần Thơ	20,02	Đang đầu tư xây dựng
7	Khu Phúc hợp Văn phòng FPT Đà Nẵng	5,93	Hoạt động

STT	Tên gọi	Quy mô (ha)	Hiện trạng
II	Dự án khu đã được bổ sung vào Quy hoạch		
1	Dự án Khu CNTT tập trung Yên Bình	200	Bổ sung vào quy hoạch
2	Dự án Khu CNTT tập trung Bắc Ninh	250	Bổ sung vào quy hoạch

Nguồn: Báo cáo của các khu CNTT tập trung

Tổng quỹ đất của các khu CNTT tập trung năm 2023 đạt 2.425.615 m², tăng hơn 4 lần so với năm 2014 (thời điểm Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025), tỷ lệ lấp đầy đạt 90%. Số lượng lao động và doanh nghiệp tính riêng trong lĩnh vực CNTT đạt 40.799 người và 882 doanh nghiệp.

Sự ra đời của các khu CNTT tập trung đã tạo ra cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ thông tin hoạt động, góp phần phát triển ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước - ngành công nghiệp công nghệ thông tin. Khu CNTT tập trung cũng là vườn ươm cho doanh nghiệp mới phát triển, cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Đồng thời, còn là những trung tâm đào tạo nhân lực quan trọng cho cả nước nói chung và ngành công nghệ thông tin nói riêng.

5. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG, SỰ KIỆN NỔI BẬT VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM NĂM 2023

- Phát triển thành công thiết bị viễn thông 5G, đã triển khai thử nghiệm trên mạng lưới diện rộng 300 trạm, làm chủ công nghệ lõi. Việt Nam sẽ trở thành một trong số 05 quốc gia sản xuất và cung cấp thiết bị 5G thương mại.

- Tổ chức 8 diễn đàn số với các nước, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam khai thác thị trường, đưa sản phẩm dịch vụ Make in Việt Nam ra thế giới: Singapore, Nhật Bản, Australia, New Zealand, Trung Quốc, Anh, Hoa Kỳ, Đức.

- Ký kết 13 hiệp định, thỏa thuận, bản ghi nhớ hợp tác với các nước, tạo cơ sở cho việc triển khai các chương trình, dự án hợp tác cụ thể trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

- Ngày 23/02/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức Hội nghị bàn tròn tại TP. Hà Nội với sự tham dự của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm triển khai chủ trương, định hướng về việc đưa doanh nghiệp công nghệ số đi ra nước ngoài.

- Ngày 20/4/2023, Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông, Lãnh đạo thành phố Đà Nẵng trao Quyết định số 261/QĐ-TTg công nhận Khu Phức hợp Văn phòng FPT (FPT Complex) là khu CNTT tập trung cho FPT. Đây là khu CNTT tập trung thứ 7 của cả nước và là khu thứ 3 của TP. Đà Nẵng. Khu CNTT tập trung FPT Complex là khu phần mềm đầu tiên do

doanh nghiệp đầu tư, vận hành với số lượng hơn 6.000 kỹ sư phần mềm làm việc năm 2023 và có 10.000 kỹ sư vào năm 2024.

- Tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Mekong Delta 2023 diễn ra từ ngày 18/5 đến ngày 20/5/2023 tại Hậu Giang với quy mô 9 hội thảo chuyên ngành, 8 hoạt động bên lề, 60 chuyên gia, diễn giả và thu hút trên 3.000 lượt người tham dự.

- Ngày 18-19/10/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với UBND tỉnh Thanh Hóa tổ chức buổi làm việc về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, chuyển đổi số và tổ chức Hội thảo kết nối cung cầu sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số khu vực miền Trung trong khuôn khổ chuỗi sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

- Ngày 06/11/2023, tổ chức Diễn đàn hợp tác ICT Việt Nam - Hàn Quốc năm 2023.

- Ngày 12/12/2023, tổ chức thành công Diễn đàn quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam lần thứ V tại Hạ Long, Quảng Ninh với chủ đề: *"Sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số - Động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động"*.

- Tổ chức Lễ trao Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số Make in Viet Nam 2023 cho 58 sản phẩm công nghệ số tại Diễn đàn quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

6. PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Theo số liệu của Tổng cục Thuế, tính đến hết 12/2023, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động có đăng ký công nghệ thông tin là lĩnh vực kinh doanh chính là 47.209, trong đó

- 4.184 doanh nghiệp phần cứng, điện tử (chiếm 8,9% tổng số doanh nghiệp);
- 11.876 doanh nghiệp phần mềm (25,2%);
- 853 doanh nghiệp nội dung số (1,8%)
- 8.443 doanh nghiệp dịch vụ CNTT (17,9%);
- 21.853 doanh nghiệp buôn bán, phân phối (46,3%).

Mặc dù số lượng doanh nghiệp phần cứng chỉ chiếm chưa đến 10% tổng số doanh nghiệp nhưng doanh thu của những doanh nghiệp này lại chiếm hơn 90% tổng doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin. Tuy vậy nhóm doanh nghiệp này chủ yếu là doanh nghiệp FDI. Ngược lại, các nhóm doanh nghiệp khác phần lớn là doanh nghiệp trong nước.

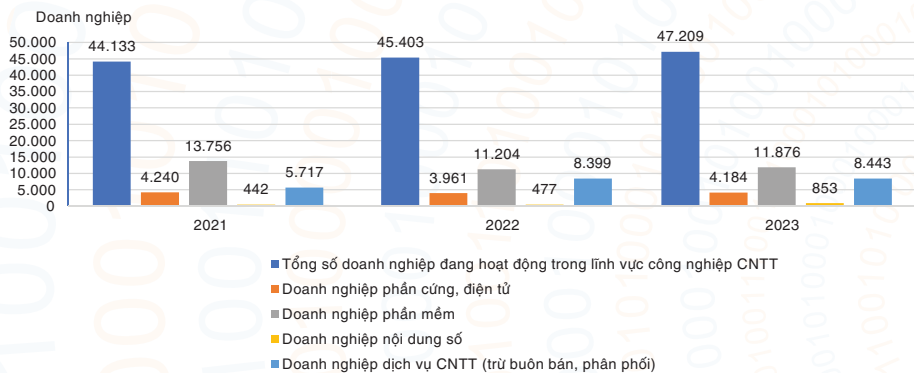
So với năm 2022, số lượng doanh nghiệp công nghệ thông tin tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước (tăng 1.803 doanh nghiệp tương đương 4%), trong đó:

- 223 doanh nghiệp phần cứng, điện tử (tăng 5,6%);
- 672 doanh nghiệp phần mềm (tăng 6%);

- 376 doanh nghiệp nội dung số (tăng 78,8%)
- 44 doanh nghiệp dịch vụ CNTT (tăng 0,5%);
- 491 doanh nghiệp buôn bán, phân phối (tăng 2,3%).

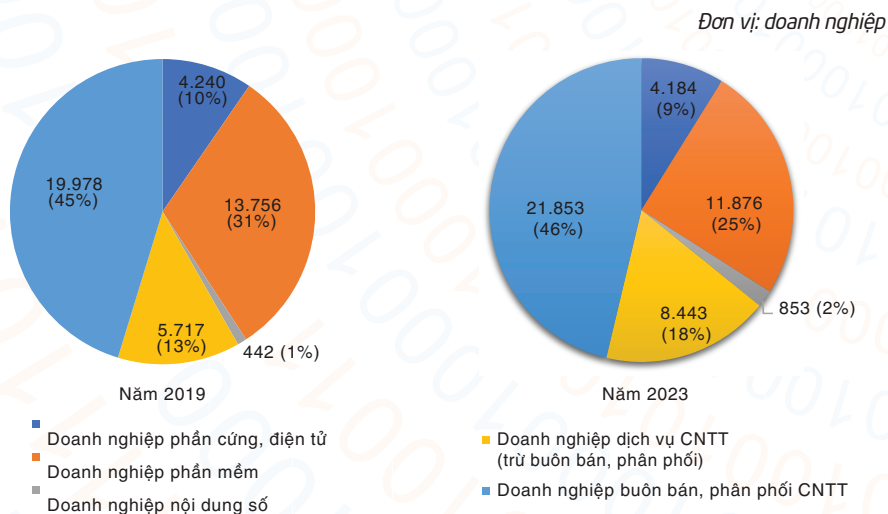
Như vậy, trong 1.803 doanh nghiệp tăng thêm, chủ yếu tập trung ở nhóm doanh nghiệp nội dung, tăng gần gấp đôi so với năm 2022.

Nếu không kể số doanh nghiệp buôn bán, phân phối, số lượng doanh nghiệp công nghệ thông tin đang hoạt động năm 2023 là 22.354379.



Nguồn: Tổng cục Thuế

Hình 2. Phát triển doanh nghiệp CNTT giai đoạn 2021-2023



Nguồn: Tổng cục Thuế

Hình 3. So sánh cơ cấu doanh nghiệp công nghệ thông tin 2019 và 2023

7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

7.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

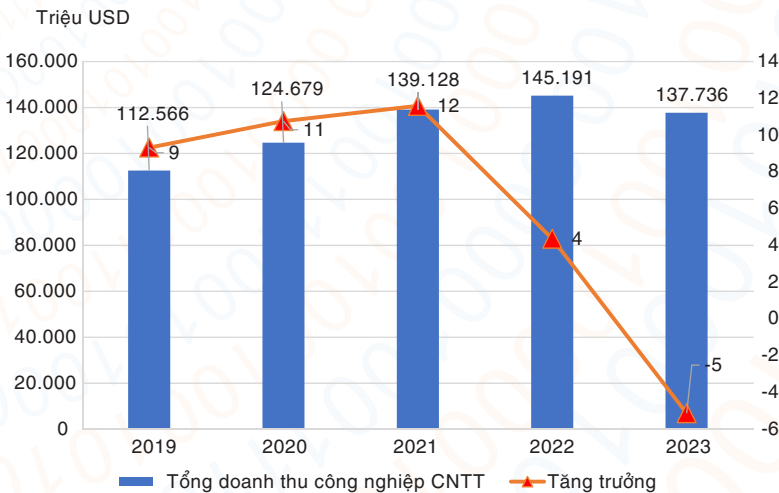
Trong giai đoạn 2019-2023, doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam tăng trưởng từ 112,6 tỷ USD năm 2019 lên 137,7 tỷ USD năm 2023, tương đương 32% GDP cả nước. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong giai đoạn 2019-2023 là 5,2%.

Năm 2023, bất chấp những khó khăn từ môi trường kinh tế vĩ mô, ngành công nghiệp công nghệ thông tin tiếp tục phát triển ổn định, khẳng định vị trí quan trọng và dẫn dắt trong nền kinh tế quốc gia.

Doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin có xu thế tăng liên tục trong giai đoạn 2010-2021, với mức tăng trung bình xấp xỉ 10% năm. Tuy vậy, năm 2022, tốc độ tăng trưởng đã có dấu hiệu chững lại, từ 11,6% năm 2021 xuống còn 4,4% năm 2022. Năm 2023 là năm đầu tiên doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin giảm so với năm 2022, với tốc độ tăng trưởng -5,1% (Hình 4).

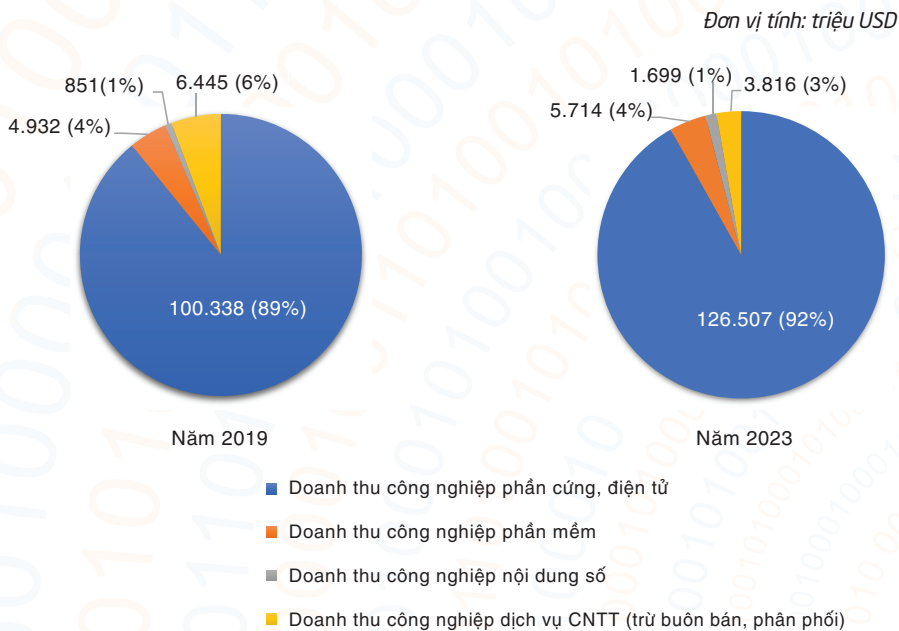
Tổng doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin năm 2023 đạt 137,7 tỷ USD, giảm 5,1% so với năm 2022 (145,2 tỷ USD), chủ yếu do sự sụt giảm mạnh doanh thu phần cứng điện tử, từ 135,9 tỷ USD năm 2022 xuống 126,5 tỷ USD năm 2023 (giảm 6,9%). Dịch vụ công nghệ thông tin cũng suy giảm từ 4,2 tỷ USD còn 3,8 tỷ USD (giảm 9,1%).

Hai lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng vượt bậc là công nghiệp phần mềm, doanh thu đạt 5,7 tỷ USD, tăng 37,3%. Lĩnh vực nội dung số lần đầu tiên vượt trên 1 tỷ USD, đạt 1,7 tỷ USD, tăng gần gấp đôi so với 2022 (886 triệu USD).



Nguồn: Tổng cục Thuế

Hình 4. Doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin giai đoạn 2019-2023



Nguồn: Tổng cục Thuế

Hình 5. Doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin năm 2019 và 2023

7.2. Xuất, nhập khẩu công nghệ thông tin

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu công nghệ thông tin năm 2023 dù có sự sụt giảm so với năm 2022, nhưng vẫn giữ vai trò chủ lực trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước, đạt trên 228,2 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 33,3% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu công nghệ thông tin đạt 128,8 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 36,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Riêng công nghiệp phần cứng điện tử, tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt trên 117,2 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 35,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Kim ngạch nhập khẩu phần cứng, điện tử là 99,4 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 30,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Xuất siêu phần cứng điện tử đạt 18 tỷ USD chiếm 64,3% tổng xuất siêu cả nước.

Ngành công nghệ thông tin có 2 mặt hàng đứng đầu trong danh sách những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là:

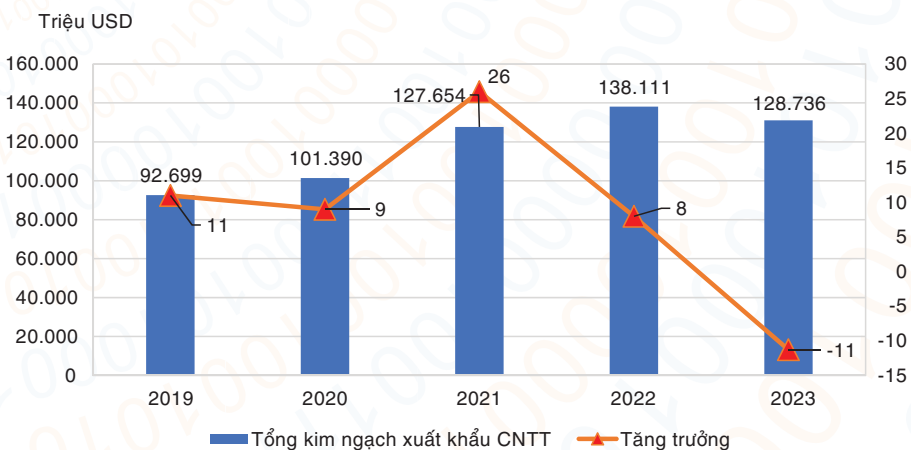
1. Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đứng thứ 1);
2. Điện thoại các loại và linh kiện (đứng thứ 2), (xem Hình 8).

Ở quy mô toàn cầu, **Việt Nam thuộc nhóm 10 quốc gia xuất khẩu công nghệ thông tin hàng đầu với 4 mặt hàng là:**

1. Điện thoại di động và linh kiện;
2. Linh kiện máy tính;
3. Thiết bị máy tính;
4. Linh kiện điện tử (xem thêm mục I.3 Thứ hạng công nghệ thông tin Việt Nam).

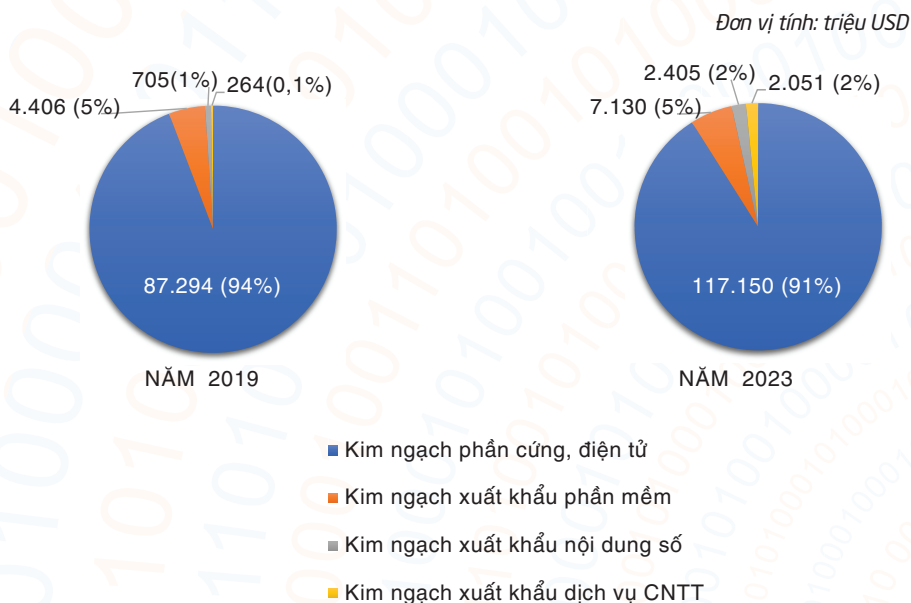
Các doanh nghiệp nội địa Việt ngày càng khẳng định vị thế trong ngành công nghiệp công nghệ thông tin. Nếu ở lĩnh vực công nghiệp phần cứng điện tử, các doanh nghiệp FDI chiếm tới 90% về doanh thu và xuất khẩu thì doanh nghiệp Việt lại chiếm ưu thế ở các lĩnh vực công nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin. Các doanh nghiệp nội địa cũng tham gia mạnh mẽ vào hoạt động xuất nhập khẩu công nghệ thông tin:

- Trên 1.900 doanh nghiệp có doanh thu từ thị trường nước ngoài (tăng hơn 26,67% so với năm 2022). Xuất khẩu phần mềm, nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin đạt 11,58 tỷ USD (tăng 54,4% so với năm 2022).
- Mặc dù các doanh nghiệp FDI vẫn chiếm phần lớn tổng kim ngạch xuất nhập khẩu phần cứng điện tử, các doanh nghiệp nội địa cũng xuất khẩu được 6,5 tỷ USD, chiếm 5,5% tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu phần cứng, điện tử đạt 9,8 tỷ USD, chiếm 9,9% tổng kim ngạch nhập khẩu.



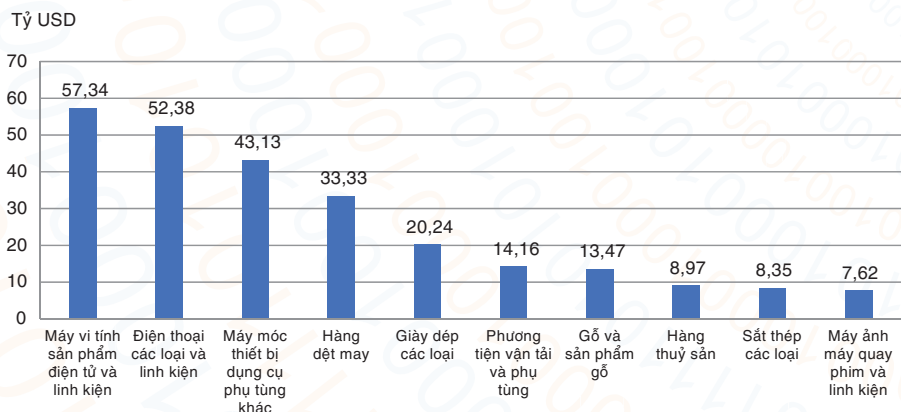
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hình 6. Kim ngạch xuất khẩu công nghiệp công nghệ thông tin giai đoạn 2019 - 2023



Nguồn: Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan

Hình 7. Kim ngạch xuất khẩu công nghiệp công nghệ thông tin năm 2019 và 2023



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hình 8. Trị giá xuất khẩu 10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất Việt Nam năm 2023

7.3. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin

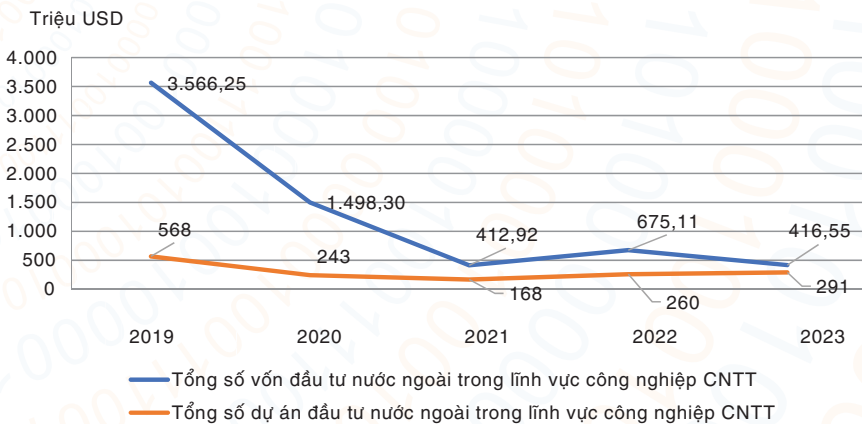
Tổng lợi nhuận trước thuế từ các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin cả nước đạt 170.995 tỷ đồng. Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng doanh thu đạt 4,6%. Mặc dù tổng doanh thu của công nghiệp phần cứng, điện tử cao tuy nhiên tỷ lệ lợi nhuận chỉ đạt 4,5% trong khi tỷ lệ lợi nhuận cao nhất trên tổng doanh thu thuộc về công nghiệp phần mềm, đạt 9,8%.

Dịch vụ công nghệ thông tin có mức lợi nhuận trước thuế âm -117 tỷ đồng do năm vừa qua có 27 địa phương có tổng lợi nhuận trước thuế âm, trong đó TP. Hồ Chí Minh có lợi nhuận trước thuế -2.617 tỷ đồng. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận trước thuế của ngành dịch vụ công nghệ thông tin cả nước âm.

8. ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trong năm 2023, mặc dù tổng số dự án đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghệ thông tin Việt Nam tăng 11,9% từ 260 dự án lên 291 dự án, tuy nhiên, tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp CNTT năm 2023 chỉ đạt 416,55 triệu USD, giảm 250,56 triệu USD (38,3%) so với năm 2022.

Tổng số nước đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp CNTT trong năm 2023 giữ ở mức 47 quốc gia như năm 2022, tuy nhiên giảm 1 nước so với năm 2021 (năm có tổng số nước đầu tư cao nhất với 48 nước).



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hình 9. Vốn đầu tư nước ngoài vào công nghiệp công nghệ thông tin giai đoạn 2019-2023

9. PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

9.1. Thị trường lao động công nghiệp CNTT

Tổng số lượng lao động công nghệ thông tin đạt 1.504.414 người, chiếm 2,8% lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước năm 2023.

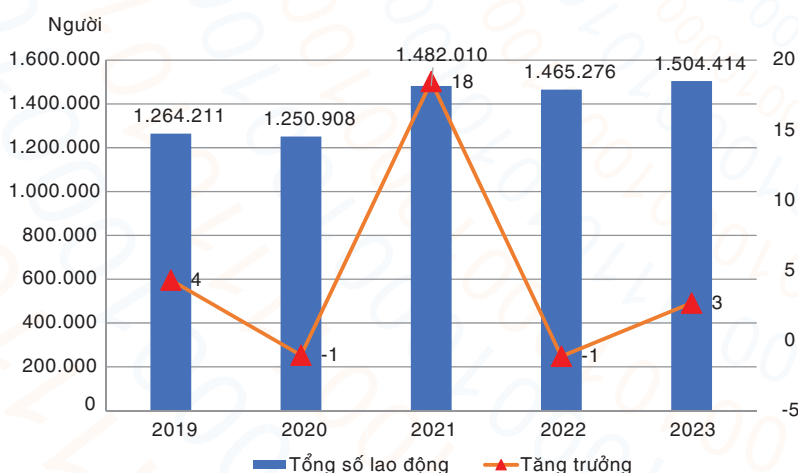
Về cơ cấu lao động, bao gồm các nhóm chính như sau:

- 948.679 lao động phần cứng, chiếm 63,1% tổng lao động ngành;
- 246.059 lao động phần mềm, chiếm 16,3%;
- 21.109 lao động nội dung số, chiếm 1,4%;
- 96.393 lao động dịch vụ CNTT, chiếm 6,4%;
- 192.174 lao động buôn bán phân phối, chiếm 12,8%;

So với năm 2022, số lao động công nghệ thông tin năm 2023 tăng 339.138 người (tăng 23,1%), trong đó, lĩnh vực phần cứng và nội dung số tăng nhiều nhất, cụ thể:

- Lao động phần cứng tăng 21.539 người (+2,3%);
- Lao động phần mềm giảm 1.200 người (-0,5%)
- Lao động nội dung số tăng 17.512 người (+486,9%);
- Lao động dịch vụ CNTT tăng 10.702 người (+12,5%)
- Lao động buôn bán, phân phối giảm 9.415 người (-4,7%).

Năm 2023, nhu cầu về nhân lực chất lượng cao trong ngành công nghiệp CNTT toàn cầu tiếp tục gia tăng. Việt Nam nổi lên như một trung tâm cung cấp nhân lực CNTT cho các thị trường như Nhật Bản, Bắc Mỹ với lực lượng kỹ sư trẻ, sáng tạo và được đào tạo bài bản. Số lượng các startup công nghệ gia tăng nhanh chóng, tập trung vào các giải pháp sáng tạo cho giáo dục, tài chính, y tế và môi trường. Nhiều startup Việt Nam đã nhận được đầu tư từ các quỹ quốc tế.



Nguồn: Tổng cục Thuế

Hình 10. Lao động lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin giai đoạn 2019 - 2023

9.2. Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin

Nguồn nhân lực đóng vai trò quyết định trong quá trình chuyển đổi số và sự phát triển của Việt Nam trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0. Dân số Việt Nam có đặc điểm nổi bật là cấu trúc dân số trẻ. Năm 2023, lực lượng lao động từ 15 ~~trở~~^{trước} trở lên đạt 52,4 triệu người trên tổng số 100 triệu dân. Người Việt có tiềm năng sáng tạo, ham muốn học hỏi và khả năng thích ứng nhanh, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến công nghệ số. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để Việt Nam có thể vươn lên trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã chú trọng phát triển các chương trình đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông tại các trường đại học, cao đẳng, và các tổ chức giáo dục chuyên nghiệp.

Phát triển nguồn nhân lực CNTT là một trong những ưu tiên hàng đầu trong quá trình chuyển đổi số quốc gia. Nhiều chiến lược, chương trình và đề án đã được triển khai nhằm nâng cao kỹ năng, năng lực và chất lượng nguồn nhân lực: Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia; Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.



Nguồn: Tổng cục Thuế

Hình 11. Cơ cấu lao động công nghệ thông tin theo các lĩnh vực

Việt Nam có nhiều cơ sở đào tạo chính quy, dài hạn về công nghệ thông tin ở các cấp bậc trình độ từ trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học.

Năm 2023, Việt Nam có 165 trường đại học có đào tạo công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và an toàn thông tin với tổng số sinh viên là 89.691 người, trong đó có 66.599 sinh viên máy tính và CNTT, 10.481 sinh viên các ngành kỹ thuật liên quan, 11.023 sinh viên các ngành công nghệ liên quan, 1.588 sinh viên các ngành toán, thống kê liên quan. Công nghệ thông tin là ngành học cấp bậc đại học có số chỉ tiêu tuyển sinh lớn nhất cả nước, chiếm tới 10% tổng số học sinh tốt nghiệp PTTH năm 2023. Tỷ lệ thực tuyển đào tạo đại học ngành CNTT, ĐTVT, ATTT cũng rất cao, 84%. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành công

nghe thông tin tăng trung bình 20%/năm trong vòng 4 năm từ 2019 đến 2023. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành CNTT và các ngành liên quan năm 2023 là 68.977 trong đó có 50.172 tốt nghiệp ngành máy tính và CNTT.

Tỉ lệ sinh viên theo học các lĩnh vực STEM tính trên tổng số sinh viên đại học của Việt Nam trong những năm gần đây dao động trong khoảng từ 27% - 30% và năm 2021 đạt khoảng 28,7%, thấp hơn so với một số nước trong khu vực và châu Âu như: Singapore (46%), Malaysia (50%), Hàn Quốc (35%), Phần Lan (36%), Đức (39%).

Năm 2023, Việt Nam có 416 trường cao đẳng, trung cấp đào tạo CNTT chiếm gần ½ số trường cao đẳng, trung cấp trên cả nước. Chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng, trung cấp ngành CNTT năm 2022 gần 63 nghìn sinh viên. Như vậy, tổng số chỉ tiêu tuyển sinh ngành CNTT trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2023 là 140.624, chiếm tới 21,63% tổng số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông.

10. PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

10.1 Phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin

Năm 2023 là năm đầu tiên công nghiệp công nghệ thông tin đã lan tỏa và hiện diện trên tất cả 63/63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trên cả nước. Tất cả các địa phương đều có doanh nghiệp đăng ký ngành nghề chính là công nghệ thông tin, trong đó có 6 địa phương có trên 1.000 doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh chính là công nghệ thông tin.

Các địa phương có số lượng doanh nghiệp ít nhất là các tỉnh miền núi cũng có trên xấp xỉ 50 doanh nghiệp trở lên.

Bảng 8. Top 10 địa phương về số doanh nghiệp công nghệ thông tin (không bao gồm buôn bán, phân phối)

Đơn vị tính: doanh nghiệp

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	7.307
2	Hà Nội	6.482
3	Bắc Ninh	941
4	Đà Nẵng	786
5	Bắc Giang	408
6	Bình Dương	387
7	Hải Phòng	315
8	Vĩnh Phúc	313
9	Đồng Nai	308
10	Nghe An	295

Nếu không tính các doanh nghiệp buôn bán phân phối, năm 2023 cũng là năm đầu tiên công nghiệp công nghệ thông tin đã lan tỏa và hiện diện trên tất cả 63/63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trên cả nước. Tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đều có doanh nghiệp đăng ký hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Trong đó có 2 địa phương có trên 1.000 doanh nghiệp công nghệ thông tin là TP. Hồ Chí Minh (7.307 doanh nghiệp), TP. Hà Nội (6.482 doanh nghiệp).

Các địa phương có số lượng doanh nghiệp ít nhất là các tỉnh miền núi cũng có trên 20 doanh nghiệp trở lên, thấp nhất là Lai Châu (17 doanh nghiệp), Bắc Kạn (18).

Về số lượng doanh nghiệp phần cứng, điện tử, Bắc Ninh tiếp tục là địa phương có số doanh nghiệp phần cứng, điện tử nhiều nhất cả nước (811), tương ứng với doanh thu phần cứng, điện tử dẫn đầu cả nước. Ngoài Bắc Ninh còn có 8 địa phương khác có trên 100 doanh nghiệp phần cứng, điện tử và 5 doanh nghiệp địa phương có trên 50 doanh nghiệp phần cứng, điện tử.

Về doanh nghiệp phần mềm, TP. Hồ Chí Minh (4.365 doanh nghiệp), TP. Hà Nội (3.518) và TP. Đà Nẵng (513) là 03 địa phương có nhiều nhất cả nước. Đây cũng là 03 trung tâm phần mềm lớn nhất của cả nước, cũng dẫn đầu về doanh thu và lao động phần mềm. Tuy vậy, phần lớn các tỉnh còn lại, kể cả các tỉnh, thành phố lớn như TP. Hải Phòng, Bình Dương, Thừa Thiên - Huế hay TP. Cần Thơ chưa có nhiều doanh nghiệp phần mềm. Một số tỉnh như Cà Mau, Hoà Bình, Lai Châu chỉ có 01 doanh nghiệp. Có 04 địa phương chưa có doanh nghiệp phần mềm nào cho thấy sự chênh lệch lớn giữa các trung tâm phần mềm và các địa phương còn lại.

Số lượng doanh nghiệp nội dung số còn khá khiêm tốn, chủ yếu tập trung ở TP. Hồ Chí Minh và TP. Hà Nội. Đáng ngạc nhiên là một số địa phương như Long An và Thừa Thiên - Huế có trên 100 doanh nghiệp trở lên.

Đối với mảng dịch vụ công nghệ thông tin, 62/63 tỉnh thành ghi nhận có doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó TP. Hồ Chí Minh (2.112), TP. Hà Nội (2.083) là 02 thành phố có nhiều doanh nghiệp nhất. 11 địa phương có trên 100 doanh nghiệp và 36/63 địa phương có từ 18 đến dưới 100 doanh nghiệp dịch vụ công nghệ thông tin chứng tỏ sự hiện diện của nhóm doanh nghiệp này còn khá khiêm tốn trên cả nước. Lai Châu là địa phương không có doanh nghiệp dịch vụ công nghệ thông tin.

Nhóm doanh nghiệp buôn bán, phân phối là nhóm doanh nghiệp hoạt động đông đảo nhất trong ngành công nghiệp công nghệ thông tin. Mặc dù không tham gia trực tiếp vào sản xuất, nhóm doanh nghiệp này lại đóng vai trò quan trọng trong khâu lưu thông, phân phối, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin. Các doanh nghiệp buôn

bán, phân phối công nghệ thông tin xuất hiện trên cả 63/63 địa phương, nhiều nhất ở các thành phố lớn là TP. Hồ Chí Minh (5.863 doanh nghiệp), TP. Hà Nội (4.270), TP. Đà Nẵng (749), Bình Dương (722) và Đồng Nai (713) là những địa phương có nhiều doanh nghiệp buôn bán phân phối. Ngay cả những tỉnh miền núi như Điện Biên, Lai Châu, Bắc Kạn cũng có ít nhất trên 35 doanh nghiệp.

Hơn nữa, lực lượng doanh nghiệp hùng hậu này còn giải quyết bài toán lao động của địa phương và góp phần tiêu thụ đáng kể lực lượng lao động được đào tạo về công nghệ thông tin (192.174 người, chiếm 10,7% tổng số lao động của ngành).

10.2 Doanh thu công nghệ thông tin tại địa phương

Năm 2023 là năm đầu tiên 62/63 tỉnh, thành phố với doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin từ 1 tỷ đồng trở lên.

12 địa phương có doanh thu trên 23 ngàn tỷ đồng (tương đương 1 tỷ USD) (năm 2020 là 8 tỉnh), xếp từ cao đến thấp lần lượt là: Bắc Ninh, Thái Nguyên, TP. Hải Phòng, Bắc Giang, TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nam, Phú Thọ và Hải Dương.

Đặc biệt 7 địa phương có doanh thu trên 100.000 tỷ đồng lần lượt là: Bắc Ninh dẫn đầu với doanh thu đạt xấp xỉ 01 triệu tỷ đồng, tiếp theo là Thái Nguyên, TP. Hải Phòng, Bắc Giang, TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Vĩnh Phúc.

*Bảng 9. 20 địa phương dẫn đầu về tổng doanh thu công nghiệp CNTT
(không tính doanh thu từ buôn bán phân phối)*

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	949.311
2	Thái Nguyên	575.898
3	Hải Phòng	416.305
4	Bắc Giang	297.109
5	Hà Nội	249.331
6	TP. Hồ Chí Minh	219.460
7	Vĩnh Phúc	199.840
8	Bình Dương	66.686
9	Đồng Nai	62.303
10	Hà Nam	57.832

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
11	Phú Thọ	48.851
12	Hải Dương	36.899
13	Hung Yên	19.441
14	Đà Nẵng	16.428
15	Quảng Ninh	14.360
16	Ninh Bình	12.861
17	Nghệ An	11.419
18	Hòa Bình	8.527
19	Long An	5.066
20	Quảng Nam	3.675

Về công nghiệp phần cứng điện tử, có 47 tỉnh có doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên, tập trung hầu hết các vùng đồng bằng và trọng điểm kinh tế, trong đó 12 tỉnh doanh thu đạt trên 23.000 tỷ đồng (tương đương 1 tỷ USD), lần lượt là Bắc Ninh, Thái Nguyên, TP. Hải Phòng, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Hà Nam, Phú Thọ và Hải Dương. Đặc biệt 07 địa phương có doanh thu trên 100.000 tỷ đồng lần lượt là: Bắc Ninh (948.711 tỷ đồng), tiếp theo là Thái Nguyên (575.346 tỷ đồng), TP. Hải Phòng (413.773 tỷ đồng), Bắc Giang (296.973 tỷ đồng), Vĩnh Phúc (199.710 tỷ đồng), TP. Hồ Chí Minh (111.569 tỷ đồng) và TP. Hà Nội (105.903 tỷ đồng). TP. Hải Phòng năm đầu vượt qua Bắc Giang, trở thành địa phương đứng thứ 3 cả nước về các chỉ số tổng doanh thu công nghiệp CNTT, doanh thu phần cứng điện tử và xuất khẩu.

Năm 2023, có 45 địa phương có doanh thu công nghiệp phần mềm từ 1 tỷ đồng trở lên, trong đó nổi bật lên là 3 thành phố lớn đạt trên 1.000 tỷ đồng là TP. Hồ Chí Minh (66.991 tỷ đồng), TP. Hà Nội (60.870 tỷ đồng) và TP. Đà Nẵng (6.049 tỷ đồng).

Trong năm 2023, có 21 địa phương có doanh thu công nghiệp nội dung số từ 1 tỷ đồng trở lên, dẫn đầu là TP. Hà Nội (30.980 tỷ đồng), TP. Hồ Chí Minh (8.996 tỷ đồng) và TP. Hải Phòng (415 tỷ đồng).

Đối với lĩnh vực dịch vụ công nghệ thông tin, tại Việt Nam đã có 59 địa phương xuất hiện doanh thu dịch vụ CNTT từ 1 tỷ đồng trở lên, trong đó, có 4 địa phương có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng lần lượt là TP. Hà Nội (51.578 tỷ đồng), TP. Hồ Chí Minh (31.904 tỷ đồng), TP. Hải Phòng (2.015 tỷ đồng) và TP. Đà Nẵng (1.003 tỷ đồng).

56/63 địa phương có xuất khẩu công nghệ thông tin từ 1 tỷ đồng trở lên, trong đó dẫn đầu là Bắc Ninh, Thái Nguyên, TP. Hải Phòng, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, TP. Hồ Chí Minh và TP. Hà Nội với doanh thu trên 100.000 tỷ đồng. Các địa phương này cũng là các địa phương có doanh thu xuất khẩu phần cứng, điện tử từ xấp xỉ 100.000 tỷ đồng trở lên.

03 trung tâm phần mềm lớn của cả nước cũng là các trung tâm xuất khẩu phần mềm là TP. Hồ Chí Minh (54.437 tỷ đồng tương đương 2.280 triệu USD), TP. Hà Nội (49.463 tỷ đồng tương đương 2.072 tỷ USD), và TP. Đà Nẵng (4.916 tỷ đồng tương đương 205 triệu USD).

6 địa phương có xuất khẩu phần mềm trên 100 tỷ đồng khác lần lượt là Bình Định, Bắc Ninh, Nghệ An, Khánh Hòa, Thừa Thiên - Huế và TP. Cần Thơ.

Các tỉnh còn lại có doanh thu xuất khẩu phần mềm còn khiêm tốn.

Đối với kim ngạch xuất khẩu dịch vụ công nghệ thông tin tại Việt Nam trong năm 2023, 27/63 địa phương có xuất khẩu dịch vụ CNTT từ 1 tỷ đồng trở lên, dẫn đầu vẫn là TP. Hồ Chí Minh (5.498 tỷ đồng), tiếp theo là TP. Hà Nội (5.202 tỷ đồng) và TP. Đà Nẵng

(548 tỷ đồng). Ngoài ra, đã xuất hiện một số địa phương khác lần đầu tiên có xuất khẩu dịch vụ CNTT từ 100 tỷ trở lên là Thái Nguyên, Trà Vinh, Bắc Ninh.

10.3. Tổng lợi nhuận trước thuế của các địa phương

Tổng lợi nhuận trước thuế của lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin đạt trên 170 nghìn tỷ đồng, trong đó có 47 địa phương có lợi nhuận trước thuế trên 1 tỷ đồng, 11 địa phương có lợi nhuận trước thuế trên 1.000 tỷ đồng (Bắc Ninh, Thái Nguyên, TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hải Phòng, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai và TP. Đà Nẵng).

Bắc Ninh, Thái Nguyên, TP. Hải Phòng có tổng lợi nhuận trước thuế dẫn đầu cả nước, trong đó Bắc Ninh và Thái Nguyên đã có trên lợi nhuận trước thuế lần lượt là 58.558 tỷ đồng và 45.481 tỷ đồng. Như vậy, công nghiệp công nghệ thông tin khẳng định đang là một nguồn thu quan trọng của nhiều địa phương.

02 địa phương có lợi nhuận trước thuế từ lĩnh vực phần mềm vượt trên 1.000 tỷ đồng là TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. 24 địa phương còn lại có tổng lợi nhuận trước thuế đối với mảng phần mềm đạt trên 1 tỷ đồng.

Tại mảng dịch vụ công nghệ thông tin, 23 địa phương có lợi nhuận trước thuế trên 1 tỷ đồng, trong đó có 01 địa phương có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng là TP. Hà Nội (+2.099 tỷ đồng).

Tuy vậy, có 27 địa phương có lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp dịch vụ công nghệ thông tin âm, dẫn đầu là TP. Hồ Chí Minh (-2.617 tỷ đồng), Bình Định (-34.8 tỷ đồng) và TP. Cần Thơ (-4.5 tỷ đồng).

10.4. Lao động công nghiệp công nghệ thông tin tại địa phương

Lượng lao động công nghệ thông tin tập trung phần lớn tại các địa phương có nhiều khu công nghiệp lớn nơi tập trung các doanh nghiệp phần cứng, điện tử. Cụ thể, có 8 tỉnh, thành phố có trên 50.000 lao động là: Bắc Ninh, TP. Hà Nội, Bắc Giang, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, TP. Hải Phòng, Thái Nguyên, Bình Dương.

Số lao động trong mảng phần cứng, điện tử hầu hết tập trung tại các khu công nghiệp phía bắc, trong đó Bắc Ninh, Bắc Giang và Vĩnh Phúc có số lao động cao nhất, tương ứng là 224.450, 197.577 và 81.056 lao động. Ngoài ra, ở miền Bắc còn có TP. Hải Phòng, TP. Hà Nội, Thái Nguyên, Hà Nam và Phú Thọ là những địa phương có số lao động phần cứng trên 20.000 người.

Ở khu vực phía nam, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh và Đồng Nai cũng là các trung tâm thu hút đông lao động phần cứng, điện tử (tổng số lao động của 3 địa phương này trên 100.000 người).

Phần lớn lao động phần mềm tập trung tại 03 thành phố ~~phần mềm~~ là TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, trong đó TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh mỗi địa phương có trên 100.000 lao động.

Phần lớn lao động dịch vụ công nghệ thông tin chủ yếu tập trung tại 02 thành phố là TP. Hà Nội (11.474 người) và TP. Hồ Chí Minh (10.178 người). Bắc Ninh và TP. Đà Nẵng có trên 1.000 lao động dịch vụ công nghệ thông tin, trong khi tại các địa phương khác, số lượng lao động dịch vụ công nghệ thông tin còn khá khiêm tốn ~~đủ 63/63 tỉnh thành phố đều có người~~.

11. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CÔNG NGHIỆP CNTT

11.1. Luật

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006.
- Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/6/2023⁽⁵⁾.
- ~~- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005.~~

11.2. Nghị định của Chính phủ

- Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 5/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.
- Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 14/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.
- Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

⁽⁵⁾ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

- Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện và giao dịch điện tử.

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

- Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

- Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu Công nghệ thông tin tập trung.

- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 09/6/2013 của Chính phủ quy định về thương mại điện tử.

- Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin.

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08/3/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.

11.3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.

- Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng

cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

11.4. Định hướng chính sách cho công nghiệp CNTT Việt Nam trong thời gian tới

Trong năm 2024 và những năm tiếp theo, Bộ Thông tin và Truyền thông xác định việc hoàn thiện hành lang pháp lý cho lĩnh vực công nghiệp công nghệ số là mục tiêu rất quan trọng.

Luật Công nghiệp công nghệ số

Pháp luật về công nghiệp CNTT đã được quy định tại Luật Công nghệ thông tin năm 2006. Tuy nhiên, sau hơn 18 năm, những quy định này đã trở nên lạc hậu, chưa điều chỉnh được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin. Đặc biệt, trong bối cảnh gần đây với sự phát triển bùng nổ của các công nghệ mới đã hình thành nên công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường để số hoá thế giới thực, thu thập, lưu trữ, truyền đưa, xử lý thông tin và dữ liệu....

Xuất phát từ nhu cầu cần thiết về một hành lang pháp lý nhằm định hướng thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, trong năm 2023 và 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông (chủ trì là Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông) đã tập trung xây dựng dự án Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm:

- Phát triển công nghiệp công nghệ số trở thành ngành kinh tế đóng góp lớn vào kinh tế đất nước; tạo môi trường thuận lợi nhất để nuôi dưỡng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số với trọng tâm là các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, từng bước chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang sáng tạo, thiết kế, tích hợp, sản xuất, làm chủ công nghệ lõi tại Việt Nam; góp phần xây dựng chính phủ số, động lực phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Khẳng định giá trị pháp lý của công nghiệp công nghệ số; hình thành các quy định, chính sách để thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số. Luật Công nghiệp công nghệ số thay thế các nội dung về công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ công nghệ thông tin trong Luật Công nghệ thông tin năm 2006 và bổ sung các quy định mới phù hợp với thực tiễn phát triển.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã trình Chính phủ báo cáo Quốc Hội cho ý kiến về Dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số. Tính đến tháng 12/2024, Quốc hội đã cho ý kiến lần đầu. Dự kiến Luật Công nghiệp công nghệ số sẽ được thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá XV vào tháng 5/2025.

Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/09/2024 về Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050. Chiến lược này mang ý nghĩa vô cùng to lớn với sứ mệnh kịp thời nắm bắt, tận dụng cơ hội trong bối cảnh chuyển dịch chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu, đồng thời đặt nền móng cho sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam.

Cũng trong ngày 21/9/2024 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1017/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050”.

Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn khẳng định tầm quan trọng mà Chính phủ Việt Nam đặt vào ngành công nghiệp bán dẫn, khẳng định đây là một ngành công nghiệp nền tảng và mũi nhọn, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ~~tao động lực~~ phát triển công nghệ nội địa, khuyến khích hợp tác trong nước và quốc tế.

Về con đường phát triển: Chiến lược đề ra con đường phát triển ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam từ nay đến năm 2030, tầm nhìn 2050 theo công thức sau:

$$C = SET + 1$$

Trong đó:

- C: Chip (Chip bán dẫn);
- S: Specialized (Chuyên dụng, Chip chuyên dụng);
- E: Electronics (Điện tử, Công nghiệp điện tử);
- T: Talent (Nhân tài, Nhân lực);
- + 1: Việt Nam (Việt Nam là điểm đến mới an toàn của chuỗi cung ứng toàn cầu về công nghiệp bán dẫn).

Chiến lược đưa ra một lộ trình phát triển cụ thể, với các mục tiêu, chỉ tiêu rõ ràng, giúp các doanh nghiệp, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý có định hướng rõ ràng trong việc đầu tư, nghiên cứu và phát triển công nghiệp bán dẫn, công nghiệp điện tử Việt Nam. Thông qua việc đưa ra chiến lược dài hạn, Việt Nam khẳng định mong muốn trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, từng bước tự chủ về công nghệ thiết kế, sản xuất sản phẩm bán dẫn. Tầm nhìn đến 2050 thể hiện sự quyết tâm cao của Chính phủ trong việc xây dựng một ngành công nghiệp bán dẫn mạnh mẽ và bền vững.

11.5 Lộ trình phát triển hành lang pháp lý trong thời gian tới

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, sau khi Luật được thông qua vào tháng 5/2025, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ tiếp tục triển khai xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành để Luật sớm trở thành hành lang pháp lý mới nâng tầm ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam.

Đồng thời, Bộ sẽ tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới lĩnh vực để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phù hợp với bối cảnh mới./.



SỔ LIỆU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM



Bảng 10. Doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Đơn vị tính: doanh nghiệp

TT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023
1	Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp CNTT	44.133	45.403	47.209
2	Doanh nghiệp phần cứng, điện tử	4.240	3.961	4.184
3	Doanh nghiệp phần mềm	13.756	11.204	11.876
4	Doanh nghiệp nội dung số	442	477	853
5	Doanh nghiệp dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	5.717	8.399	8.443
6	Doanh nghiệp buôn bán, phân phối CNTT	19.978	21.362	21.853

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 11. Doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin

Đơn vị tính: triệu USD

TT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
1	Tổng doanh thu công nghiệp CNTT	112.566	124.679	139.128	145.191	137.736
2	Doanh thu công nghiệp phần cứng, điện tử	100.338	111.034	125.472	135.948	126.507
3	Doanh thu công nghiệp phần mềm	4.932	5.439	5.728	4.161	5.714
4	Doanh thu công nghiệp nội dung số	851	888	882	886	1.699
5	Doanh thu dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	6.445	7.318	7.046	4.196	3.816

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 12. Kim ngạch xuất, nhập khẩu công nghệ thông tin

Đơn vị tính: triệu USD

TT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu CNTT	92.699	101.390	127.654	138.111	128.736
	Kim ngạch phần cứng, điện tử	87.294	95.760	121.826	133.615	117.150
	Kim ngạch xuất khẩu phần mềm	4.406	4.643	4.958	3.600	7.130
	Kim ngạch xuất khẩu nội dung số	705	710	598	602	2.405
	Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ CNTT	264	277	272	294	2.051
2	Kim ngạch nhập khẩu phần cứng, điện tử	65.958	80.616	95.064	104.492	99.441

Nguồn: Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan

Bảng 13. Lợi nhuận trước thuế của công nghiệp công nghệ thông tin 2003

TT	Chỉ tiêu	Lợi nhuận (tỷ đồng)	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	Tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu (%)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	170.995	3.597.205.912	4,6
2	Lợi nhuận trước thuế của công nghiệp phần cứng, điện tử	151.882	3.329.078.432	4,5
3	Lợi nhuận trước thuế của công nghiệp phần mềm	13.331	136.427.464	9,8
4	Lợi nhuận trước thuế của công nghiệp nội dung số	696	40.565.324	1,7
5	Lợi nhuận trước thuế của dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	-117	91.110.816	-0,1
6	Lợi nhuận trước thuế của buôn bán, phân phối	5.203	100.183.696	1,0

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 14. Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020	2021	2022	2023
1	Tổng số vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp CNTT	Triệu USD	3.566,25	1.498,3	412,92	675,11	416,55
2	Tổng số dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp CNTT	Dự án	568	243	168	260	291
3	Tổng số nước đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp CNTT	Nước	42	41	48	47	47

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bảng 15. Lao động ngành công nghiệp công nghệ thông tin

Đơn vị tính: người

TT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
1	Tổng số lao động	1.264.211	1.250.908	1.482.010	1.465.276	1.504.414
2	Số lao động công nghiệp phần cứng, điện tử	760.097	842.458	1.030.592	927.140	948.679
3	Số lao động công nghiệp phần mềm	143.149	149.072	224.291	247.259	246.059
4	Số lao động công nghiệp nội dung số	42.479	34.377	3.304	3.597	21.109
5	Số lao động dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	59.481	55.361	65.092	85.691	96.393
6	Số lao động buôn bán, phân phối CNTT	259.005	169.640	158.731	201.589	192.174

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 16. Đào tạo đại học ngành công nghệ thông tin 2018-2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1	Tổng số trường đại học	Trường	237	237	242	242	239
2	Sinh viên tuyển mới đại học	Sinh viên	413.277	447.483	-	541.408	-
3	Quy mô sinh viên đại học	Sinh viên	1.526.111	1.672.881	-	2.030.791	-
4	Sinh viên tốt nghiệp đại học	Sinh viên	311.599	263.172	-	242.286	-
5	Số trường đại học có đào tạo CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin	Trường	149	158	158	168	165
6	Số chỉ tiêu tuyển sinh đại học ngành CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin	Sinh viên	51.114	68.435	82.085	85.016	72.690
7	Tỷ lệ trường đại học có đào tạo CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin/ Tổng số trường đại học	%	63,14	65,83	65	69,4	69,0
8	Tỷ lệ thực tế tuyển sinh đại học về CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin	%	82	82	84	90,4	84,0

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bảng 17. Số lượng sinh viên công nghệ thông tin năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Tuyển mới năm 2023		Đang học năm 2023		Tốt nghiệp năm 2023	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
	Các ngành đào tạo về công nghệ thông tin						
1	Máy tính và CNTT	66.599	10,8	231.385	10,5	50.172	10,5
2	Các ngành kỹ thuật liên quan	10.481	1,7	45.987	2,1	9.976	2,1
3	Các ngành công nghệ kỹ thuật liên quan	11.023	1,8	40.163	1,8	7.924	1,7
4	Các ngành toán và thống kê liên quan	1.588	0,3	4.762	0,2	905	0,2

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bảng 18. Đào tạo nghề ngành công nghệ thông tin 2018-2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Tổng số trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề	Trường	909	863	854	846	818
2	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng nghề, trung cấp nghề	Học viên	540.000	560.000	738.165	810.419	455.297
3	Số học viên cao đẳng nghề, trung cấp nghề trên thực tế được tuyển mới hàng năm	Học viên	545.000	568.000	580.000	490.000	600.000
4	Số học viên cao đẳng nghề, trung cấp nghề đã tốt nghiệp	Học viên	440.000	494.000	510.000	375.000	-
5	Số trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có đào tạo CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin	Trường	412	442	442	520	-
6	Tỷ lệ chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng nghề, trung cấp nghề ngành CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin/Tổng chỉ tiêu tuyển sinh	%	12,53	9,54	7,7	10,06	-
7	Tỷ lệ trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có đào tạo CNTT, điện tử, viễn thông và an toàn thông tin/Tổng số trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề	%	45,32	51,22	51,7	61,46	-

Ghi chú: “-” không có số liệu

Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Bảng 19. Các khu công nghệ thông tin tập trung

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020	2021	2022	2023
1	Số lượng các khu CNTT tập trung	Khu	04	04	06	06	07
2	Tổng quỹ đất	m ²	845.015	915.015	2.425.615	2.425.615	2.425.615
3	Tổng diện tích văn phòng làm việc	m ²	579.215	620.000	680.000	680.000	680.000
4	Số doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu CNTT tập trung	Doanh nghiệp	> 700	870	> 800	880	882
5	Số nhân lực CNTT đang làm việc trong các khu CNTT tập trung	Người	> 36.000	42.000	38.500	38.500	40.799

Nguồn: Báo cáo của các khu CNTT tập trung



XẾP HẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Theo thứ hạng từ cao xuống thấp)



**1. XẾP HẠNG ĐỊA PHƯƠNG THEO SỐ DOANH NGHIỆP ĐANG HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH
CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

*Bảng 20. Xếp hạng địa phương theo tổng số doanh nghiệp công nghệ thông tin
(bao gồm buôn bán, phân phối)*

Đơn vị tính: doanh nghiệp

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	13.196
2	Hà Nội	10.773
3	Đà Nẵng	1.538
4	Bắc Ninh	1.418
5	Bình Dương	1.112
6	Đồng Nai	1.023
7	Bắc Giang	708
8	Thanh Hoá	691
9	Nghệ An	674
10	Hải Phòng	655
11	Vĩnh Phúc	579
12	An Giang	573
13	Long An	527
14	Đắk Lắk	510
15	Thừa Thiên - Huế	497
16	Cần Thơ	477
17	Hải Dương	463
18	Kiên Giang	440
19	Bà Rịa - Vũng Tàu	424
20	Khánh Hòa	419
21	Đồng Tháp	413
22	Hung Yên	413
23	Hà Tĩnh	405
24	Bến Tre	382
25	Thái Nguyên	365
26	Quảng Nam	364
27	Quảng Ninh	346
28	Phú Thọ	339
29	Bình Thuận	334
30	Tiền Giang	327
31	Bình Định	311
32	Lâm Đồng	308

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
33	Quảng Ngãi	306
34	Cà Mau	299
35	Bình Phước	285
36	Ninh Bình	280
37	Hà Nam	279
38	Thái Bình	273
39	Gia Lai	271
40	Tây Ninh	270
41	Nam Định	246
42	Sóc Trăng	235
43	Tuyên Quang	218
44	Quảng Bình	215
45	Phú Yên	205
46	Trà Vinh	194
47	Hậu Giang	191
48	Vĩnh Long	188
49	Đắk Nông	186
50	Bạc Liêu	186
51	Quảng Trị	172
52	Sơn La	166
53	Lào Cai	164
54	Kon Tum	161
55	Ninh Thuận	149
56	Hòa Bình	143
57	Lạng Sơn	141
58	Yên Bái	137
59	Hà Giang	115
60	Điện Biên	92
61	Cao Bằng	90
62	Bắc Kạn	64
63	Lai Châu	57

Nguồn: Tổng cục Thuế

*Bảng 21. Xếp hạng địa phương theo Tổng số doanh nghiệp công nghệ thông tin
(trừ buôn bán, phân phối)*

Đơn vị tính: doanh nghiệp

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	7.307	33	Bến Tre	90
2	Hà Nội	6.482	34	Bình Định	90
3	Bắc Ninh	941	35	Tuyên Quang	90
4	Đà Nẵng	786	36	Nam Định	88
5	Bắc Giang	408	37	Quảng Ngãi	80
6	Bình Dương	387	38	Yên Bái	79
7	Hải Phòng	315	39	Gia Lai	66
8	Vĩnh Phúc	313	40	Bình Thuận	63
9	Đồng Nai	308	41	Cà Mau	62
10	Nghệ An	295	42	Bình Phước	61
11	Long An	245	43	Lào Cai	58
12	Thanh Hoá	236	44	Điện Biên	57
13	Thừa Thiên - Huế	234	45	Vĩnh Long	56
14	Hà Tĩnh	209	46	Phú Yên	55
15	Hải Dương	194	47	Hòa Bình	55
16	Hưng Yên	187	48	Lạng Sơn	54
17	Thái Nguyên	169	49	Sơn La	53
18	Đồng Tháp	162	50	Tây Ninh	53
19	Hà Nam	153	51	Hà Giang	49
20	Cần Thơ	138	52	Quảng Bình	46
21	Khánh Hòa	137	53	Ninh Thuận	44
22	Phú Thọ	136	54	Trà Vinh	43
23	Bà Rịa - Vũng Tàu	132	55	Bạc Liêu	43
24	An Giang	131	56	Sóc Trăng	42
25	Lâm Đồng	115	57	Hậu Giang	39
26	Ninh Bình	114	58	Cao Bằng	39
27	Tiền Giang	105	59	Đắk Nông	38
28	Đắk Lắk	103	60	Quảng Trị	36
29	Kiên Giang	97	61	Kon Tum	35
30	Quảng Ninh	96	62	Bắc Kạn	18
31	Thái Bình	96	63	Lai Châu	17
32	Quảng Nam	94			

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 22. Xếp hạng địa phương theo số doanh nghiệp công nghiệp phần cứng, điện tử

Đơn vị tính: doanh nghiệp

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	811	31	Tiền Giang	6
2	Hà Nội	475	32	Ninh Thuận	6
3	TP. Hồ Chí Minh	395	33	Quảng Ngãi	5
4	Bắc Giang	276	34	Đắk Lắk	5
5	Vĩnh Phúc	222	35	Bến Tre	5
6	Bình Dương	166	36	Trà Vinh	5
7	Hải Phòng	122	37	Bình Thuận	4
8	Hà Nam	120	38	Lâm Đồng	4
9	Đồng Nai	104	39	An Giang	4
10	Thái Nguyên	98	40	Đồng Tháp	3
11	Hải Dương	92	41	Vĩnh Long	3
12	Nghệ An	92	42	Đắk Nông	3
13	Hung Yên	82	43	Tuyên Quang	3
14	Long An	54	44	Lạng Sơn	3
15	Phú Thọ	41	45	Hậu Giang	3
16	Bà Rịa - Vũng Tàu	32	46	Bình Định	2
17	Đà Nẵng	26	47	Bạc Liêu	2
18	Nam Định	23	48	Điện Biên	2
19	Thái Bình	21	49	Gia Lai	2
20	Ninh Bình	18	50	Quảng Bình	2
21	Quảng Ninh	17	51	Hà Tĩnh	2
22	Phú Yên	16	52	Quảng Trị	2
23	Hòa Bình	15	53	Kiên Giang	2
24	Khánh Hòa	10	54	Cao Bằng	1
25	Quảng Nam	10	55	Yên Bái	1
26	Tây Ninh	10	56	Lào Cai	1
27	Thanh Hoá	9	57	Cà Mau	1
28	Thừa Thiên - Huế	8	58	Lai Châu	1
29	Cần Thơ	8	59	Sơn La	1
30	Bình Phước	8	60	Kon Tum	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 23. Xếp hạng địa phương theo số doanh nghiệp công nghiệp phần mềm

Đơn vị tính: doanh nghiệp

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	4.365
2	Hà Nội	3.518
3	Đà Nẵng	513
4	Hải Phòng	57
5	Bình Dương	55
6	Thừa Thiên - Huế	50
7	Cần Thơ	50
8	Khánh Hòa	49
9	Đồng Nai	45
10	Nghệ An	39
11	Bắc Ninh	31
12	Thanh Hoá	26
13	Bình Định	26
14	Quảng Nam	25
15	Hưng Yên	25
16	Bà Rịa - Vũng Tàu	24
17	Lâm Đồng	24
18	Bắc Giang	22
19	Quảng Ninh	17
20	Vĩnh Phúc	16
21	Thái Nguyên	15
22	Hải Dương	14
23	Phú Thọ	14
24	Kiên Giang	13
25	Quảng Ngãi	12
26	Đắk Lắk	11
27	Tiền Giang	11
28	Nam Định	10
29	Long An	10
30	Thái Bình	10

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
31	Vĩnh Long	10
32	Hà Nam	9
33	Tuyên Quang	8
34	Bến Tre	8
35	Tây Ninh	8
36	Hà Tĩnh	7
37	Đồng Tháp	7
38	An Giang	6
39	Ninh Bình	6
40	Bình Phước	6
41	Gia Lai	5
42	Hậu Giang	5
43	Quảng Trị	5
44	Sóc Trăng	4
45	Ninh Thuận	4
46	Yên Bái	4
47	Sơn La	4
48	Trà Vinh	4
49	Phú Yên	3
50	Lào Cai	3
51	Bạc Liêu	3
52	Đắk Nông	3
53	Quảng Bình	3
54	Hà Giang	2
55	Kon Tum	2
56	Điện Biên	2
57	Cà Mau	1
58	Hòa Bình	1
59	Lai Châu	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 24. Xếp hạng địa phương theo số doanh nghiệp nội dung số

Đơn vị tính: doanh nghiệp

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	434
2	Hà Nội	406
3	Long An	99
4	Thừa Thiên - Huế	83
5	Đồng Tháp	46
6	Thanh Hoá	24
7	Đà Nẵng	22
8	Hải Phòng	19
9	Tiền Giang	15
10	Yên Bái	15
11	Tuyên Quang	12
12	Nghệ An	11
13	Bình Định	11
14	Bình Dương	11
15	Đồng Nai	10
16	Đắk Lắk	10
17	Lâm Đồng	10
18	Vĩnh Phúc	10
19	Bắc Giang	10
20	Cần Thơ	9
21	Gia Lai	9
22	Sóc Trăng	8
23	Quảng Ninh	7
24	Hà Tĩnh	7
25	Quảng Ngãi	6
26	Bà Rịa - Vũng Tàu	6
27	Khánh Hòa	6
28	Trà Vinh	5
29	Quảng Bình	4
30	Cà Mau	4
31	Bến Tre	4

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
32	Lào Cai	4
33	Ninh Bình	4
34	An Giang	4
35	Hà Nam	4
36	Bắc Ninh	4
37	Hải Dương	4
38	Hung Yên	3
39	Hà Giang	3
40	Phú Thọ	3
41	Phú Yên	3
42	Bạc Liêu	3
43	Nam Định	3
44	Kiên Giang	3
45	Bình Thuận	3
46	Kon Tum	3
47	Quảng Nam	3
48	Vĩnh Long	2
49	Thái Nguyên	2
50	Tây Ninh	2
51	Bình Phước	1
52	Điện Biên	1
53	Lạng Sơn	1
54	Ninh Thuận	1
55	Quảng Trị	1
56	Cao Bằng	1
57	Sơn La	1
58	Thái Bình	1
59	Hòa Bình	1
60	Đắk Nông	1
61	Hậu Giang	1
62	Bắc Kạn	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 25. Xếp hạng địa phương theo số doanh nghiệp dịch vụ công nghệ thông tin

Đơn vị tính: doanh nghiệp

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	2.112
2	Hà Nội	2.083
3	Long An	225
4	Thừa Thiên - Huế	193
5	Đồng Tháp	177
6	Thanh Hoá	156
7	Đà Nẵng	152
8	Hải Phòng	148
9	Tiền Giang	117
10	Yên Bái	117
11	Tuyên Quang	106
12	Nghệ An	99
13	Bình Định	94
14	Bình Dương	93
15	Đồng Nai	85
16	Đắk Lắk	84
17	Lâm Đồng	82
18	Vĩnh Phúc	80
19	Bắc Giang	78
20	Cần Thơ	78
21	Gia Lai	77
22	Sóc Trăng	76
23	Quảng Ninh	73
24	Hà Tĩnh	73
25	Quảng Ngãi	72
26	Bà Rịa - Vũng Tàu	71
27	Khánh Hòa	69
28	Trà Vinh	68
29	Quảng Bình	66
30	Cà Mau	65
31	Bến Tre	59

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
32	Lào Cai	57
33	Ninh Bình	56
34	An Giang	55
35	Hà Nam	55
36	Bắc Ninh	53
37	Hải Dương	52
38	Hung Yên	52
39	Hà Giang	52
40	Phú Thọ	50
41	Phú Yên	50
42	Bạc Liêu	49
43	Nam Định	48
44	Kiên Giang	47
45	Bình Thuận	47
46	Kon Tum	44
47	Quảng Nam	41
48	Vĩnh Long	39
49	Thái Nguyên	38
50	Tây Ninh	37
51	Bình Phước	35
52	Điện Biên	34
53	Lạng Sơn	34
54	Ninh Thuận	32
55	Quảng Trị	32
56	Cao Bằng	31
57	Sơn La	30
58	Thái Bình	30
59	Hòa Bình	30
60	Đắk Nông	29
61	Hậu Giang	21
62	Bắc Kạn	18

Nguồn: Tổng cục Thuế

*Bảng 26. Xếp hạng địa phương theo số doanh nghiệp buôn bán,
phân phối công nghệ thông tin*

Đơn vị tính: doanh nghiệp

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	5.863
2	Hà Nội	4.270
3	Đà Nẵng	749
4	Bình Dương	722
5	Đồng Nai	713
6	Bắc Ninh	474
7	Thanh Hoá	454
8	An Giang	441
9	Đắk Lắk	407
10	Nghệ An	378
11	Kiên Giang	343
12	Hải Phòng	339
13	Cần Thơ	339
14	Bắc Giang	299
15	Bến Tre	291
16	Bà Rịa - Vũng Tàu	291
17	Long An	281
18	Khánh Hòa	281
19	Bình Thuận	271
20	Quảng Nam	269
21	Hải Dương	268
22	Vĩnh Phúc	266
23	Thừa Thiên - Huế	262
24	Đồng Tháp	250
25	Quảng Ninh	249
26	Cà Mau	237
27	Hung Yên	226
28	Quảng Ngãi	226
29	Bình Phước	223
30	Tiền Giang	222
31	Bình Định	220
32	Tây Ninh	217

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
33	Gia Lai	204
34	Phú Thọ	203
35	Thái Nguyên	196
36	Hà Tĩnh	195
37	Sóc Trăng	192
38	Lâm Đồng	192
39	Thái Bình	176
40	Quảng Bình	168
41	Ninh Bình	166
42	Nam Định	158
43	Hậu Giang	152
44	Trà Vinh	150
45	Phú Yên	149
46	Đắk Nông	148
47	Bạc Liêu	143
48	Quảng Trị	136
49	Vĩnh Long	131
50	Tuyên Quang	128
51	Kon Tum	126
52	Hà Nam	125
53	Sơn La	112
54	Lào Cai	106
55	Ninh Thuận	104
56	Hòa Bình	88
57	Lạng Sơn	87
58	Hà Giang	66
59	Yên Bái	57
60	Cao Bằng	51
61	Bắc Kạn	46
62	Lai Châu	40
63	Điện Biên	35

Nguồn: Tổng cục Thuế

2. XẾP HẠNG ĐỊA PHƯƠNG THEO DOANH THU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bảng 27. Xếp hạng địa phương theo tổng doanh thu công nghiệp công nghệ thông tin
(trừ buôn bán phân phối)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	949.311	33	Khánh Hòa	297
2	Thái Nguyên	575.898	34	Quảng Trị	251
3	Hải Phòng	416.305	35	Cần Thơ	201
4	Bắc Giang	297.109	36	Lâm Đồng	161
5	Hà Nội	249.331	37	Thanh Hoá	160
6	TP. Hồ Chí Minh	219.460	38	Gia Lai	131
7	Vĩnh Phúc	199.840	39	Hà Giang	108
8	Bình Dương	66.686	40	Ninh Thuận	94
9	Đồng Nai	62.303	41	Đắk Lắk	92
10	Hà Nam	57.832	42	Quảng Bình	82
11	Phú Thọ	48.851	43	Bến Tre	77
12	Hải Dương	36.899	44	Bình Thuận	77
13	Hung Yên	19.441	45	Hà Tĩnh	58
14	Đà Nẵng	16.428	46	Sơn La	51
15	Quảng Ninh	14.360	47	Điện Biên	50
16	Ninh Bình	12.861	48	Đồng Tháp	45
17	Nghệ An	11.419	49	An Giang	37
18	Hòa Bình	8.527	50	Vĩnh Long	31
19	Long An	5.066	51	Lào Cai	31
20	Quảng Nam	3.675	52	Lạng Sơn	27
21	Bình Phước	2.980	53	Kiên Giang	26
22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.336	54	Hậu Giang	18
23	Tây Ninh	1.691	55	Sóc Trăng	17
24	Quảng Ngãi	1.359	56	Cà Mau	9
25	Tiền Giang	1.078	57	Kon Tum	6
26	Trà Vinh	1.026	58	Cao Bằng	4
27	Phú Yên	754	59	Đắk Nông	4
28	Nam Định	652	60	Yên Bái	3
29	Bình Định	454	61	Bạc Liêu	2
30	Thừa Thiên - Huế	419	62	Lai Châu	1
31	Thái Bình	393	63	Bắc Kạn	0
32	Tuyên Quang	317			

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 28. Xếp hạng địa phương theo doanh thu công nghiệp phần cứng, điện tử

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	948.711
2	Thái Nguyên	575.346
3	Hải Phòng	413.773
4	Bắc Giang	296.973
5	Vĩnh Phúc	199.710
6	TP. Hồ Chí Minh	111.569
7	Hà Nội	105.903
8	Bình Dương	65.949
9	Đồng Nai	61.765
10	Hà Nam	57.801
11	Phú Thọ	48.810
12	Hải Dương	36.693
13	Hung Yên	19.350
14	Quảng Ninh	14.310
15	Ninh Bình	12.822
16	Nghệ An	11.020
17	Đà Nẵng	9.354
18	Hòa Bình	8.509
19	Long An	4.949
20	Quảng Nam	3.618
21	Bình Phước	2.902
22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.156
23	Tây Ninh	1.677
24	Quảng Ngãi	1.314

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
25	Tiền Giang	1.035
26	Trà Vinh	819
27	Phú Yên	732
28	Nam Định	497
29	Thái Bình	342
30	Tuyên Quang	298
31	Quảng Trị	163
32	Bình Thuận	65
33	Thừa Thiên - Huế	60
34	Lâm Đồng	49
35	Ninh Thuận	37
36	Bến Tre	27
37	Khánh Hòa	22
38	Thanh Hoá	20
39	Cần Thơ	15
40	Lạng Sơn	14
41	Đắk Lắk	11
42	Kiên Giang	10
43	Vĩnh Long	5
44	Yên Bái	2
45	Sơn La	1
46	Quảng Bình	1
47	Hậu Giang	1
48	Đồng Tháp	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

(Chỉ liệt kê các địa phương có doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên)

Bảng 29. Xếp hạng địa phương theo doanh thu công nghiệp phần mềm

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	66.991	24	Thái Nguyên	25
2	Hà Nội	60.870	25	Đắk Lắk	22
3	Đà Nẵng	6.049	26	Vĩnh Long	21
4	Bình Định	364	27	Đồng Tháp	16
5	Bắc Ninh	247	28	Phú Thọ	14
6	Nghệ An	197	29	Phú Yên	14
7	Khánh Hòa	197	30	Quảng Ninh	13
8	Thừa Thiên - Huế	142	31	Tuyên Quang	11
9	Cần Thơ	132	32	Bến Tre	11
10	Đồng Nai	119	33	An Giang	9
11	Hải Phòng	102	34	Hà Tĩnh	9
12	Long An	100	35	Quảng Ngãi	7
13	Vĩnh Phúc	99	36	Hải Dương	7
14	Bà Rịa - Vũng Tàu	93	37	Nam Định	7
15	Bình Dương	85	38	Ninh Bình	5
16	Thanh Hoá	79	39	Kiên Giang	5
17	Quảng Nam	52	40	Bình Thuận	3
18	Thái Bình	48	41	Hậu Giang	2
19	Quảng Bình	44	42	Hà Nam	1
20	Lâm Đồng	42	43	Bình Phước	1
21	Tiền Giang	41	44	Tây Ninh	1
22	Bắc Giang	35	45	Sóc Trăng	1
23	Hung Yên	33			

Nguồn: Tổng cục Thuế

(Chỉ liệt kê các địa phương có doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên)

Bảng 30. Xếp hạng địa phương theo doanh thu công nghiệp nội dung số

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Hà Nội	30.980
2	TP. Hồ Chí Minh	8.996
3	Hải Phòng	415
4	Bến Tre	38
5	Đà Nẵng	23
6	Đồng Nai	20
7	Vĩnh Phúc	20
8	Nam Định	15
9	Quảng Ngãi	9
10	Bắc Ninh	6
11	Long An	5

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
12	Gia Lai	3
13	Thừa Thiên - Huế	3
14	Hà Tĩnh	3
15	Thanh Hoá	2
16	Quảng Nam	2
17	Bắc Giang	2
18	Lâm Đồng	2
19	Nghệ An	2
20	Bà Rịa - Vũng Tàu	2
21	Bình Dương	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

(Chỉ liệt kê các địa phương có doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên)

Bảng 31. Xếp hạng địa phương theo doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Hà Nội	51.578
2	TP. Hồ Chí Minh	31.904
3	Hải Phòng	2.015
4	Đà Nẵng	1.003
5	Bình Dương	650
6	Thái Nguyên	528
7	Đồng Nai	399
8	Bắc Ninh	347
9	Thừa Thiên - Huế	214
10	Trà Vinh	207
11	Nghệ An	200
12	Hải Dương	199
13	Nam Định	133
14	Gia Lai	127
15	Hà Giang	108
16	Bắc Giang	99
17	Bình Định	90
18	Quảng Trị	87
19	Bà Rịa - Vũng Tàu	85
20	Khánh Hòa	78
21	Bình Phước	77
22	Lâm Đồng	69
23	Thanh Hoá	59
24	Đắk Lắk	59
25	Hung Yên	58
26	Ninh Thuận	56
27	Cần Thơ	53
28	Điện Biên	50
29	Sơn La	50
30	Hà Tĩnh	46

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
31	Quảng Ninh	37
32	Quảng Bình	36
33	Ninh Bình	33
34	Lào Cai	30
35	Hà Nam	30
36	Quảng Ngãi	29
37	Đồng Tháp	29
38	An Giang	28
39	Phú Thọ	26
40	Hòa Bình	18
41	Sóc Trăng	16
42	Hậu Giang	15
43	Tây Ninh	13
44	Lạng Sơn	13
45	Long An	12
46	Vĩnh Phúc	12
47	Kiên Giang	11
48	Bình Thuận	9
49	Cà Mau	8
50	Phú Yên	8
51	Tuyên Quang	8
52	Kon Tum	5
53	Vĩnh Long	5
54	Cao Bằng	4
55	Đắk Nông	4
56	Thái Bình	4
57	Quảng Nam	3
58	Tiền Giang	2
59	Bến Tre	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

(Chỉ liệt kê các địa phương có doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên)

**3. XẾP HẠNG ĐỊA PHƯƠNG THEO KIM NGẠCH XUẤT KHẨU
CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

*Bảng 32. Xếp hạng địa phương theo tổng kim ngạch xuất khẩu
công nghiệp công nghệ thông tin*

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	880.233	29	Bình Định	356
2	Thái Nguyên	534.140	30	Tuyên Quang	318
3	Hải Phòng	383.943	31	Thái Bình	286
4	Bắc Giang	275.511	32	Quảng Bình	212
5	Vĩnh Phúc	185.313	33	Nam Định	180
6	TP. Hồ Chí Minh	163.553	34	Tây Ninh	154
7	Hà Nội	153.545	35	Thừa Thiên Huế	122
8	Bình Dương	61.239	36	Thanh Hoá	84
9	Đồng Nai	57.410	37	Cần Thơ	80
10	Hà Nam	53.611	38	Khánh Hòa	63
11	Phú Thọ	45.291	39	Bến Tre	38
12	Hải Dương	34.043	40	Bình Phước	35
13	Hung Yên	17.975	41	Bình Thuận	34
14	Quảng Ninh	14.140	42	Quảng Trị	28
15	Ninh Bình	13.283	43	Lâm Đồng	22
16	Nghệ An	11.919	44	Cao Bằng	19
17	Đà Nẵng	10.413	45	Gia Lai	16
18	Hòa Bình	7.893	46	Sóc Trăng	16
19	Long An	4.672	47	Hà Tĩnh	13
20	Quảng Nam	3.398	48	Đắk Lắk	12
21	Bình Phước	2.693	49	Đồng Tháp	8
22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.077	50	Lạng Sơn	7
23	Tây Ninh	1.556	51	Hà Giang	2
24	Quảng Ngãi	1.226	52	Kiên Giang	2
25	Tiền Giang	994	53	Phú Yên	1
26	Trà Vinh	888	54	Vĩnh Long	1
27	Phú Yên	691	55	Sơn La	1
28	Nam Định	478	56	An Giang	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 33. Xếp hạng địa phương theo kim ngạch xuất khẩu công nghiệp phần cứng, điện tử

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	879.929	26	Trà Vinh	456
2	Thái Nguyên	533.634	27	Phú Yên	662
3	Hải Phòng	383.775	28	Nam Định	456
4	Bắc Giang	275.443	29	Thái Bình	327
5	Vĩnh Phúc	185.231	30	Tuyên Quang	306
6	TP. Hồ Chí Minh	103.481	31	Quảng Trị	267
7	Hà Nội	98.225	32	Bình Thuận	149
8	Bình Dương	61.168	33	Thừa Thiên - Huế	131
9	Đồng Nai	57.287	34	Lâm Đồng	63
10	Hà Nam	53.610	35	Ninh Thuận	58
11	Phú Thọ	45.271	36	Bến Tre	52
12	Hải Dương	34.033	37	Khánh Hòa	34
13	Hung Yên	17.947	38	Thanh Hoá	33
14	Quảng Ninh	13.273	39	Cần Thơ	24
15	Ninh Bình	11.893	40	Lạng Sơn	17
16	Nghệ An	10.221	41	Đắk Lắk	13
17	Đà Nẵng	8.676	42	Kiên Giang	13
18	Hòa Bình	7.893	43	Vĩnh Long	13
19	Long An	4.590	44	Yên Bái	12
20	Quảng Nam	3.355	45	Sơn La	12
21	Bình Phước	2.692	46	Quảng Bình	8
22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2.000	47	Hậu Giang	4
23	Tây Ninh	1.555	48	Đồng Tháp	3
24	Quảng Ngãi	1.218			
25	Tiền Giang	960			

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 34. Xếp hạng địa phương theo kim ngạch xuất khẩu công nghiệp phần mềm

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	54.437
2	Hà Nội	49.463
3	Đà Nẵng	4.916
4	Bình Định	296
5	Bắc Ninh	201
6	Nghệ An	160
7	Khánh Hòa	160
8	Thừa Thiên - Huế	115
9	Cần Thơ	107
10	Đồng Nai	97
11	Hải Phòng	83
12	Long An	81
13	Vĩnh Phúc	80
14	Bà Rịa - Vũng Tàu	76
15	Bình Dương	69
16	Thanh Hoá	64
17	Quảng Nam	42
18	Thái Bình	39
19	Quảng Bình	36
20	Lâm Đồng	34
21	Tiền Giang	33
22	Bắc Giang	28
23	Hung Yên	27
24	Thái Nguyên	20
25	Đắk Lắk	18

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
26	Vĩnh Long	17
27	Đồng Tháp	13
28	Phú Thọ	12
29	Phú Yên	11
30	Quảng Ninh	10
31	Tuyên Quang	9
32	Bến Tre	9
33	An Giang	7
34	Hà Tĩnh	7
35	Quảng Ngãi	6
36	Hải Dương	6
37	Nam Định	6
38	Ninh Bình	4
39	Kiên Giang	4
40	Bình Thuận	2
41	Hậu Giang	1
42	Hà Nam	1
43	Bình Phước	1
44	Tây Ninh	1
45	Sóc Trăng	1
46	Bạc Liêu	1
47	Lai Châu	1
48	Ninh Thuận	1
49	Kon Tum	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 35. Xếp hạng địa phương theo kim ngạch xuất khẩu dịch vụ công nghệ thông tin

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	5.498
2	Hà Nội	5.202
3	Đà Nẵng	548
4	Thái Nguyên	486
5	Trà Vinh	128
6	Bắc Ninh	102
7	Hải Phòng	85
8	Thừa Thiên - Huế	41
9	Bắc Giang	40
10	Nghệ An	32
11	Đồng Nai	26
12	Ninh Bình	22
13	Bình Định	22
14	Hà Tĩnh	12
15	Sóc Trăng	11
16	Phú Thọ	9

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
17	Hà Giang	8
18	Hải Dương	5
19	Nam Định	4
20	Kiên Giang	3
21	Quảng Trị	3
22	Đồng Tháp	2
23	Bình Dương	2
24	Vĩnh Phúc	2
25	Thanh Hoá	1
26	Bà Rịa - Vũng Tàu	1
27	Quảng Bình	1
28	Hung Yên	1
29	Tiền Giang	1
30	Tuyên Quang	1
31	Cần Thơ	1
32	Lâm Đồng	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

4. XẾP HẠNG ĐỊA PHƯƠNG THEO LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CỦA CÔNG NGHIỆP CÔNG
NGHỆ THÔNG TIN

Bảng 36. Xếp hạng địa phương theo tổng lợi nhuận trước thuế của các địa phương

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	58.803	25	Cần Thơ	34
2	Thái Nguyên	45.485	26	Bình Định	33
3	Hà Nội	16.618	27	Tiền Giang	34
4	TP. Hồ Chí Minh	14.291	28	Kiên Giang	33
5	Hải Phòng	13.772	29	Quảng Ngãi	31
6	Bắc Giang	6.331	30	Hậu Giang	29
7	Vĩnh Phúc	3.872	31	Đồng Tháp	22
8	Bình Dương	2.997	32	An Giang	12
9	Hung Yên	2.461	33	Đắk Lắk	12
10	Đồng Nai	2.401	34	Lâm Đồng	8
11	Đà Nẵng	1.595	35	Hà Tĩnh	8
12	Quảng Ninh	814	36	Sơn La	6
13	Hải Dương	674	37	Vĩnh Long	5
14	Ninh Bình	384	38	Điện Biên	5
15	Bình Phước	336	39	Sóc Trăng	5
16	Bà Rịa - Vũng Tàu	261	40	Đắk Nông	4
17	Phú Thọ	242	41	Yên Bái	4
18	Tây Ninh	216	42	Bạc Liêu	4
19	Long An	203	43	Gia Lai	3
20	Nghệ An	170	44	Hà Giang	3
21	Hòa Bình	170	45	Khánh Hòa	3
22	Quảng Nam	145	46	Kon Tum	3
23	Trà Vinh	61	47	Cà Mau	2
24	Phú Yên	40			

Nguồn: Tổng cục Thuế

(Chỉ liệt kê các địa phương có lợi nhuận từ 1 tỷ đồng trở lên)

*Bảng 37. Xếp hạng địa phương theo lợi nhuận trước thuế
của công nghiệp phần cứng, điện tử*

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	58.558
2	Thái Nguyên	45.481
3	Hải Phòng	13.633
4	TP. Hồ Chí Minh	9.693
5	Bắc Giang	6.344
6	Hà Nội	3.898
7	Vĩnh Phúc	3.827
8	Bình Dương	2.964
9	Hung Yên	2.430
10	Đồng Nai	2.336
11	Quảng Ninh	825
12	Hải Dương	675
13	Đà Nẵng	608
14	Ninh Bình	386
15	Bình Phước	337

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
16	Phú Thọ	244
17	Tây Ninh	216
18	Bà Rịa - Vũng Tàu	179
19	Nghệ An	172
20	Hòa Bình	168
21	Long An	162
22	Quảng Nam	121
23	Trà Vinh	51
24	Tiền Giang	50
25	Phú Yên	38
26	Quảng Ngãi	22
27	Cần Thơ	2
28	Kiên Giang	2
29	Lạng Sơn	2
30	Vĩnh Long	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

(Chỉ liệt kê các địa phương có lợi nhuận từ 1 tỷ đồng trở lên)

Bảng 38. Xếp hạng địa phương theo tổng lợi nhuận trước thuế công nghiệp, phần mềm

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Hà Nội	7.041
2	TP. Hồ Chí Minh	5.064
3	Đà Nẵng	918
4	Vĩnh Phúc	63
5	Bình Định	58
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	48
7	Long An	35
8	Cần Thơ	33
9	Quảng Nam	23
10	Bắc Ninh	18
11	Thái Nguyên	14
12	Nghệ An	13
13	Đồng Nai	12

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
14	Thừa Thiên - Huế	12
15	Đắk Lắk	9
16	Lâm Đồng	7
17	Khánh Hòa	7
18	Tuyên Quang	5
19	Phú Yên	4
20	Phú Thọ	3
21	Nam Định	2
22	An Giang	2
23	Hải Phòng	2
24	Hung Yên	1
25	Hà Tĩnh	1
26	Sóc Trăng	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

(Chỉ liệt kê các địa phương có lợi nhuận từ 1 tỷ đồng trở lên)

Bảng 39. Xếp hạng địa phương theo lợi nhuận trước thuế của dịch vụ công nghệ thông tin

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Hà Nội	2.099
2	Hải Phòng	103
3	Đà Nẵng	89
4	Bình Dương	52
5	Bắc Ninh	38
6	Đồng Nai	21
7	Bà Rịa - Vũng Tàu	20
8	Thái Nguyên	11
9	Hà Tĩnh	11
10	Trà Vinh	8
11	Hậu Giang	7
12	Bắc Giang	6

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
13	Gia Lai	3
14	Hà Giang	3
15	An Giang	2
16	Sơn La	2
17	Đồng Tháp	2
18	Điện Biên	2
19	Hung Yên	2
20	Quảng Trị	2
21	Bình Phước	1
22	Thừa Thiên - Huế	1
23	Kiên Giang	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

5. XẾP HẠNG ĐỊA PHƯƠNG THEO LAO ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bảng 40. Xếp hạng địa phương theo tổng số lao động (trừ buôn bán, phân phối)

Đơn vị tính: người

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	225.759	33	Vĩnh Long	1.070
2	Hà Nội	204.862	34	Tây Ninh	1.011
3	Bắc Giang	198.089	35	Khánh Hòa	970
4	TP. Hồ Chí Minh	177.551	36	Tuyên Quang	492
5	Vĩnh Phúc	71.294	37	Bình Thuận	418
6	Hải Phòng	63.703	38	Lâm Đồng	391
7	Thái Nguyên	86.665	39	Bến Tre	300
8	Bình Dương	57.183	40	Đắk Lắk	253
9	Hà Nam	47.961	41	Sơn La	244
10	Đà Nẵng	40.120	42	Gia Lai	163
11	Hải Dương	36.389	43	Quảng Trị	160
12	Đồng Nai	34.065	44	Hà Giang	154
13	Phú Thọ	33.393	45	Hà Tĩnh	126
14	Nghệ An	21.320	46	Đồng Tháp	114
15	Hưng Yên	17.019	47	Ninh Thuận	92
16	Ninh Bình	9.476	48	Quảng Bình	92
17	Hòa Bình	7.319	49	Hậu Giang	85
18	Quảng Ninh	7.060	50	Lạng Sơn	82
19	Long An	5.890	51	Kiên Giang	80
20	Quảng Nam	4.767	52	Lai Châu	66
21	Bà Rịa - Vũng Tàu	3.582	53	Cà Mau	57
22	Bình Phước	3.027	54	Lào Cai	57
23	Phú Yên	2.498	55	Yên Bái	55
24	Tiền Giang	2.385	56	An Giang	38
25	Quảng Ngãi	2.242	57	Kon Tum	37
26	Trà Vinh	2.121	58	Điện Biên	28
27	Thái Bình	2.110	59	Cao Bằng	25
28	Thừa Thiên - Huế	1.827	60	Sóc Trăng	21
29	Bình Định	1.551	61	Bạc Liêu	20
30	Thanh Hoá	1.527	62	Đắk Nông	7
31	Nam Định	1.455	63	Bắc Kạn	5
32	Cần Thơ	1.293			

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 41. Xếp hạng địa phương theo số lao động công nghiệp phần cứng, điện tử

Đơn vị tính: người

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Bắc Ninh	224.450
2	Bắc Giang	197.577
3	Vĩnh Phúc	81.056
4	Hải Phòng	62.459
5	Hà Nội	58.218
6	Thái Nguyên	52.374
7	Bình Dương	46.406
8	Hà Nam	37.932
9	TP. Hồ Chí Minh	36.750
10	Hải Dương	26.129
11	Phú Thọ	23.273
12	Đồng Nai	22.939
13	Nghệ An	15.533
14	Đà Nẵng	17.315
15	Hưng Yên	16.748
16	Ninh Bình	9.361
17	Hòa Bình	7.253
18	Quảng Ninh	6.875
19	Long An	5.787
20	Quảng Nam	4.640
21	Bà Rịa - Vũng Tàu	3.172
22	Bình Phước	2.954
23	Phú Yên	2.380
24	Quảng Ngãi	2.106
25	Tiền Giang	2.105
26	Trà Vinh	1.980

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
27	Thái Bình	1.971
28	Nam Định	1.337
29	Tây Ninh	995
30	Vĩnh Long	875
31	Tuyên Quang	398
32	Bình Thuận	347
33	Bến Tre	229
34	Thừa Thiên - Huế	212
35	Quảng Trị	93
36	Khánh Hòa	89
37	Ninh Thuận	67
38	Thanh Hoá	67
39	Đắk Lắk	44
40	Lạng Sơn	43
41	Cần Thơ	38
42	Lâm Đồng	37
43	Lai Châu	19
44	Kiên Giang	10
45	Yên Bái	9
46	Lào Cai	9
47	Sơn La	7
48	Cà Mau	5
49	Gia Lai	3
50	Quảng Bình	2
51	Hậu Giang	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 42. Xếp hạng địa phương theo số lao động công nghiệp phần mềm

Đơn vị tính: người

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Hà Nội	110.150	27	Phú Yên	53
2	TP. Hồ Chí Minh	108.678	28	Đồng Tháp	51
3	Đà Nẵng	17.839	29	Hà Tĩnh	44
4	Thanh Hoá	1.315	30	Bến Tre	34
5	Bình Định	1.230	31	Quảng Ngãi	34
6	Thừa Thiên - Huế	1.131	32	Quảng Nam	61
7	Cần Thơ	1.107	33	Phú Thọ	32
8	Nghệ An	819	34	Bình Phước	21
9	Khánh Hòa	653	35	Kiên Giang	21
10	Bắc Ninh	423	36	Long An	19
11	Hải Phòng	303	37	Hà Giang	17
12	Đồng Nai	257	38	Bạc Liêu	15
13	Hung Yên	213	39	Ninh Thuận	14
14	Bắc Giang	206	40	Quảng Trị	10
15	Bình Dương	185	41	Lào Cai	10
16	Lâm Đồng	157	42	Nam Định	10
17	Thái Nguyên	126	43	Bình Thuận	9
18	Thái Bình	101	44	An Giang	9
19	Vĩnh Long	94	45	Ninh Bình	8
20	Đắk Lắk	92	46	Lai Châu	7
21	Bà Rịa - Vũng Tàu	90	47	Hậu Giang	6
22	Hải Dương	90	48	Kon Tum	6
23	Vĩnh Phúc	75	49	Hà Nam	5
24	Quảng Ninh	72	50	Quảng Bình	4
25	Tiền Giang	63	51.	Gia Lai	2
26	Tuyên Quang	63	52	Trà Vinh	1

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 43. Xếp hạng địa phương theo số lao động công nghiệp nội dung số

Đơn vị tính: người

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu	TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	Hà Nội	15.053	19	Bình Dương	15
2	TP. Hồ Chí Minh	5.002	20	Phú Yên	14
3	Hải Phòng	271	21	Long An	13
4	Đà Nẵng	129	22	Cần Thơ	13
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	88	23	Nghệ An	12
6	Đắk Lắk	62	24	Bắc Ninh	12
7	Thừa Thiên - Huế	60	25	Khánh Hòa	11
8	Vĩnh Phúc	53	26	Quảng Ninh	9
9	Đồng Nai	41	27	Bắc Giang	7
10	Quảng Ngãi	38	28	Lâm Đồng	5
11	Quảng Bình	30	29	Lạng Sơn	4
12	Gia Lai	29	30	Hà Nam	3
13	Thanh Hoá	29	31	Phú Thọ	3
14	Yên Bái	24	32	Quảng Nam	2
15	Bến Tre	22	33	Lào Cai	1
16	Hà Tĩnh	20	34	Bình Định	1
17	Nam Định	17	35	Đồng Tháp	1
18	Ninh Bình	15			

Nguồn: Tổng cục Thuế

Bảng 44. Xếp hạng địa phương theo số lao động dịch vụ công nghệ thông tin

Đơn vị tính: người

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
1	TP. Hồ Chí Minh	11.474
2	Hà Nội	10.178
3	Bắc Ninh	1.477
4	Đà Nẵng	1.234
5	Bắc Giang	640
6	Bình Dương	608
7	Hải Phòng	495
8	Vĩnh Phúc	491
9	Đồng Nai	483
10	Nghệ An	463
11	Long An	384
12	Thanh Hoá	370
13	Thừa Thiên - Huế	368
14	Hà Tĩnh	328
15	Hải Dương	305
16	Hung Yên	293
17	Thái Nguyên	265
18	Đồng Tháp	255
19	Hà Nam	240
20	Cần Thơ	216
21	Khánh Hòa	215
22	Phú Thọ	214
23	Bà Rịa - Vũng Tàu	208
24	An Giang	206
25	Lâm Đồng	181
26	Ninh Bình	179
27	Tiền Giang	165
28	Đắk Lắk	161
29	Kiên Giang	152
30	Quảng Ninh	151
31	Thái Bình	151
32	Quảng Nam	147

TT	Tỉnh/Thành phố	Số liệu
33	Quảng Nam	64
34	Quảng Ngãi	64
35	Đồng Tháp	62
36	Bình Thuận	62
37	Hà Tĩnh	62
38	Hung Yên	58
39	Quảng Trị	57
40	Quảng Bình	56
41	Đắk Lắk	55
42	Bình Phước	52
43	Cà Mau	52
44	Phú Yên	51
45	Kiên Giang	49
46	Lai Châu	40
47	Thái Bình	38
48	Lào Cai	37
49	Lạng Sơn	35
50	Kon Tum	31
51	Tuyên Quang	31
52	An Giang	29
53	Điện Biên	28
54	Cao Bằng	25
55	Yên Bái	22
56	Sóc Trăng	21
57	Hà Nam	21
58	Tây Ninh	16
59	Bến Tre	15
60	Ninh Thuận	11
61	Đắk Nông	7
62	Bạc Liêu	5
63	Bắc Kạn	5

Nguồn: Tổng cục Thuế



SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

MAKE IN VIET NAM TIÊU BIỂU



1. CÁC SẢN PHẨM MAKE IN VIET NAM ĐẠT GIẢI CAO TẠI GIẢI THƯỞNG CÔNG NGHỆ SỐ ASEAN 2024 TẠI SINGAPORE THÁNG 01/2024

ICANKid - Ứng dụng “Chơi mà học” Top 10 2022 đạt Giải Vàng hạng mục Nội dung số ADA 2024

CANKid là ứng dụng “Chơi mà Học” giúp trẻ phát triển toàn diện ở giai đoạn đầu đời.

Chỉ với một ứng dụng, trẻ được phát triển ngôn ngữ, nhận thức và sáng tạo ở giai đoạn vàng thông qua hàng ngàn hoạt động tương tác được thiết kế sinh động giúp trẻ làm quen tiếng Việt, chơi học tiếng Anh, xem video giải trí và đọc truyện mê say.

Với mục tiêu định vị giáo dục giải trí song hành “Chơi mà Học”, ICANKid thiết kế hệ thống ứng dụng thông minh nhằm tối ưu hóa và cân bằng lộ trình học và chơi của trẻ, mong muốn mang lại sự an vui cho cha mẹ, đồng thời trẻ nhỏ được lớn khôn với thể chất và tinh thần lành mạnh.

DrAID của VinBrain Giải bạc 2020 đạt Giải Vàng hạng mục Đối mới số ADA 2024

DrAid™ là nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI) đầu tiên tại Việt Nam hỗ trợ các bác sĩ tầm soát tổng thể X-quang ngực, CT bụng; Chẩn đoán điều trị ung thư, Sàng lọc các bệnh thể kỷ như lao phổi, tan máu bẩm sinh... và Quản lý bệnh viện do VinBrain thuộc Tập đoàn Vingroup phát triển.

DrAid™ giúp nâng cao hiệu suất của quy trình Chẩn đoán hình ảnh bằng việc ưu tiên phân luồng các ca bình thường và bất thường, từ đó tiết kiệm 30% thời gian đọc ảnh cho các bác sĩ. Hiện nay, DrAid™ được đưa vào sử dụng hỗ trợ các bác sĩ chẩn đoán hình ảnh trong 3 lĩnh vực chính. Thứ nhất là tầm soát tổng thể X-quang ngực và bụng với khả năng đưa ra kết quả chính xác đến 95%.

Hệ sinh thái Nông nghiệp số mobiAgri - Top 10 2023 đạt Giải Bạc hạng mục Nội dung số ADA 2024

mobiAgri là nền tảng cung cấp giải pháp trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng chuyển đổi số, nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng các công nghệ Big data, AI, Blockchain, AR, VR,...

Hệ thống giáo dục trực tuyến VioEdu của Việt Nam (thuộc FPT IS - thành viên Tập đoàn FPT) đã đoạt giải bạc - Giải thưởng ASEAN Digital Awards 2024

VioEdu giúp học sinh phổ thông tại Việt Nam học đúng trọng tâm, linh hoạt, cá nhân hoá. Nhờ được xác định điểm mạnh điểm yếu, học sinh tiến bộ và rút ngắn thời gian học từ 30-50%. Các sân chơi, lộ trình học tập tương thích và sinh động như game giúp học sinh hứng thú, chủ động, tự giác, tự học, đặc biệt là trong thời đại số khi Internet và cách học qua mobile app đang phát triển bùng nổ.

VioEdu cung cấp công cụ giúp giáo viên và nhà trường tiết kiệm tới 95% thời gian giao bài tập, kiểm tra, chấm điểm; tổ chức lớp học online, kiểm tra đánh giá online; cung cấp các báo cáo chi tiết giúp nhà trường quản lý, theo dõi chất lượng dạy và học của giáo viên và học sinh toàn trường.

2. SẢN PHẨM ĐẠT GIẢI THƯỞNG SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ XUẤT SẮC MAKE IN VIET NAM

2.1. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số xuất sắc cho chính phủ số

Hệ thống Kiểm soát tải trọng xe tự động **ewIM**

Mô tả sản phẩm:



ewIM là giải pháp hiệu quả cho bài toán kiểm soát trọng tải xe, ứng dụng trong từ chối phục vụ và xử phạt vi phạm với các trường hợp xe chở quá tải trọng cho phép. Nhờ tự động hoá hoàn toàn, ewIM giúp tiết kiệm 75% nhân lực, giảm chi phí vận hành 80% so với cân xách tay truyền thống, và góp phần nâng cao nhận thức của người tham gia giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

Hệ thống gồm các thiết bị ngoại vi (thanh cảm biến cân, AI Camera, biển báo VMS...); lớp truy cập để xử lý dữ liệu và trực tích hợp để kết nối với các bên liên quan.

Sau khi xe di chuyển qua trạm cân, hệ thống ghi nhận và trả lại đầy đủ dữ liệu cần thiết (video, hình ảnh xe đi qua trạm cân; tải trọng trục, tải trọng tổng; biển số trước, biển số sau); tự động truy vấn trực tuyến với dữ liệu đăng kiểm để tính toán, kết luận xe quá tải trọng, lập phiếu cân và chuyển tới cơ quan chức năng để xử lý vi phạm.

Phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức

Mô tả sản phẩm



VNPT SmartCA là dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa, 100 % giải pháp phần mềm do đội ngũ kỹ sư người Việt của VNPT tự nghiên cứu và phát triển, đạt tiêu chuẩn an toàn châu Âu (eIDAS) và được cấp phép bởi Bộ TT&TT. VNPT SmartCA mang đến cho khách hàng giải pháp ký số trên thiết bị di động một cách đơn giản, an toàn, thuận tiện, tiết kiệm chi phí và được pháp luật công nhận như chữ ký tay trong mọi giao dịch điện tử.

Phần mềm quản lý tài sản MISA QLTS**Mô tả sản phẩm**

Phần mềm quản lý tài sản MISA QLTS là công cụ đặc lực hỗ trợ các đơn vị thực hiện các nghiệp vụ như: Đề nghị trang cấp, ghi tăng, thay đổi thông tin, đánh giá lại, khấu hao, hao mòn, điều chuyển, ghi giảm, kiểm kê và bảo dưỡng tài sản... Đồng thời, cho phép các đơn vị chủ quản tự động tra cứu và nắm bắt kịp thời tình hình tài sản công của các đơn vị trực thuộc để ra quyết định điều hành nhanh chóng. Phần mềm giúp quản lý tập trung, liên thông và thống nhất tài sản trong toàn tỉnh thành, hình thành CSDL về tài sản công toàn địa phương và chuẩn bị sẵn sàng cho việc tích hợp với CSDLQG.

2.2. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số xuất sắc cho kinh tế số**Nền tảng hậu cần GHTK APP****Mô tả sản phẩm**

Nền tảng hậu cần GHTK App là ứng dụng di động dành riêng cho nhà bán online với cốt lõi là cung cấp dịch vụ vận chuyển đáp ứng phục vụ trên 63 tỉnh thành và 11.000 huyện xã, được phát triển các tính năng nhằm đảm bảo ba cột trụ chính của nền kinh tế số là dòng chảy thông tin - hàng hóa - tiền tệ liên tục được cập nhật theo thời gian thực (real time), đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng một cách kịp thời và tạo ra hiệu quả kinh tế vượt trội cho thương mại điện tử, gia tốc cho nền kinh tế số phát triển.

Nền tảng điện toán đám mây CMC Cloud**Mô tả sản phẩm**

CMC Cloud là nền tảng điện toán đám mây do CMC Telecom nghiên cứu và phát triển. Toàn bộ hệ thống vật lý được đầu tư thiết bị hiện đại nhất từ Dell, IBM Power (100% ổ cứng SSD có tốc độ tối thiểu 500 MB/s, chip Intel mới nhất); đặt tại 03 Data Center đạt chuẩn Tier 3 của CMC Telecom, trong đó có Data Center Tân Thuận được đánh giá là hiện đại và an toàn nhất Việt Nam hiện nay với chúng chỉ bảo mật PCI DSS đầu tiên tại Việt Nam. Dịch vụ sử dụng riêng hệ thống kết nối cáp quốc tế ổn định, băng thông cao lên tới 40Gbit/s; đảm bảo cam kết chất lượng (SLA) 99,99% cùng hệ thống firewall 7 lớp bảo mật.

Phần mềm Victory Terminal Operation System



Mô tả sản phẩm

- VTOS là nền tảng tích hợp đầy đủ nghiệp vụ cơ bản của một cảng biển số.
- Số hóa đầy đủ khoảng 200 quy trình vận hành của một cảng biển
- Đưa toàn bộ hoạt động của một cảng biển lên môi trường số một cách tổng thể, toàn diện
- Đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về EDO và EDI

2.3. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số xuất sắc cho xã hội số

Nền tảng truyền hình số trực tuyến quốc gia VTVgo



Mô tả sản phẩm

Được thiết kế và triển khai trên nền tảng điện toán đám mây, giao diện trực quan, dễ sử dụng, có tập khách hàng cài đặt lớn nhất trong số các ứng dụng OTT xem truyền hình miễn phí (~47 triệu lượt cài đặt) và độ phủ trên toàn thế giới, VTVgo đã và đang là ưu tiên hàng đầu đối với khán giả xem truyền hình trong và ngoài nước. Nền tảng truyền hình số trực tuyến quốc gia VTVgo đem lại những lợi ích sau cho người dân:

- Có thể xem các kênh truyền hình trực tiếp của Đài Truyền hình Việt Nam mọi lúc, mọi nơi và trên các thiết bị thông minh có kết nối Internet bao gồm điện thoại thông minh, máy tính bảng, TV thông minh, TV box,...
- Có thể xem lại các chương trình truyền hình của Đài Truyền hình Việt Nam, các đài phát thanh truyền hình địa phương và các đơn vị truyền hình ngay sau khi phát sóng. Người dùng sẽ không bị bỏ lỡ các chương trình yêu thích.
- Thưởng thức các nội dung giải trí đặc sắc, chất lượng cao của Đài Truyền hình Việt Nam và nội dung của các đài phát thanh truyền hình địa phương, các đơn vị truyền hình như: gameshow, phim truyền hình và các nội dung khác.
- Tiếp cận dễ dàng các nội dung chính thống có giá trị khác như: tin tức về tài chính, kinh doanh, giáo dục, sức khỏe, thời tiết, du lịch,...

Dịch vụ Chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số từ xa - VNPT SmartCA**Mô tả sản phẩm**

VNPT SmartCA là dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa, 100 % giải pháp phần mềm do đội ngũ kỹ sư người Việt của VNPT tự nghiên cứu và phát triển, đạt tiêu chuẩn an toàn châu Âu (eIDAS) và được cấp phép bởi Bộ Thông tin và Truyền thông. VNPT SmartCA mang đến cho khách hàng giải pháp ký số trên thiết bị di động một cách đơn giản, an toàn, thuận tiện, tiết kiệm chi phí và được pháp luật công nhận như chữ ký tay trong mọi giao dịch điện tử.

Nền tảng công nghệ nhân sự JobOKO**Mô tả sản phẩm**

JobOKO là nền tảng công nghệ nhân sự (HR Tech) được phát triển tiên phong với lõi là công nghệ Job Search Engine, Trí tuệ nhân tạo, Máy học giúp kết nối hiệu quả ứng viên và nhà tuyển dụng.

2.4. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số xuất sắc cho thị trường nước ngoài**Trung tâm phát triển toàn cầu (Global Development Center - GDC)**

Nhằm giải quyết sự thiếu hụt về các sản phẩm bán dẫn, FPT-IS đã nghiên cứu và phát triển sản phẩm chip do người Việt Nam làm chủ, hướng đến trở thành một mắt xích trong chuỗi cung ứng các sản phẩm bán dẫn toàn cầu với sản phẩm mũi nhọn là chip quản lý nguồn.

Được ví như trái tim của các mạch điện tử, chnguồn có nhiệm vụ quản lý, phân bnguồn điện áp, dòng điện cần thiết cho các linh kiện, các IC khác trong mạch, giống như cách trái tim cung cấp máu cho các cơ quan khác trong cơ thể. Theo đó, chipnguồn lý nguồn là thành phần vô cùng quan trọng, ở đâu có mạch điện tử, ở đó cầnnguồn quản lý nguồn.

Với sự bùng nổ của các thiết bị internet vạn vật (IoT) trong kỷ nguyên 5G, ngày càng nhiều hơn các thiết bị sử dụng pin được sản xuất. Điều này làm gia tăng nhu cầunguồn IC quản lý nguồn. ngu sản phẩm chip nguồn Make In Viet Nam, FPT-IS kỳ vọng sẽ đem sản phẩm, trí tuệ của người Việt vươn ra toàn cầu.



Dịch vụ xuất khẩu phần mềm và giải pháp



Mô tả sản phẩm

Dịch vụ xuất khẩu phần mềm và giải pháp của VTI dựa trên các công nghệ cốt lõi: A-IOT, Cloud Computing, Mobile. Không “hỉ cung” “ấp dịch vụ” “gia công” phần mềm mà VTI còn có năng lực tư vấn chuyên sâu ở những lĩnh vực trọng tâm như sản xuất, bán lẻ. Trong đó:

- Dịch vụ phát triển phần mềm bao gồm: Phát triển ứng dụng; Dịch chuyển dữ liệu; Giám sát và bảo trì hệ thống; Điện toán đám mây (Cloud Computing); Trí tuệ nhân tạo (AI); Internet vạn vật (IoT) và Phần mềm nhúng (Embedded); eCommerce; ERP; Bảo mật công nghệ thông tin;

- Các giải pháp và sản phẩm: Hệ thống điều hành sản xuất MES-X; Giải pháp Quản lý chăm công nhận diện khuôn mặt FaceX; Giải pháp Trợ lý lễ tân ảo tiếp đón khách thông minh Virtual Receptionist; Hệ thống nhận diện biển số và quản lý bãi đỗ xe thông minh ParkingX; Hệ thống tự động xử lý ngôn ngữ và giọng nói V-talk Bot; Hệ thống quản lý và vận hành xe buýt BusEye; Hệ thống định vị và cảnh báo an toàn theo thời gian thực LogX; Giải pháp Quản lý năng lượng SmartENE; Giải pháp Nhà máy không giấy tờ Paperless.

Nền tảng Tài chính số Viettel - Viettel Digital Finance Platform (VDFP)



Mô tả sản phẩm

VDFP là bộ giải pháp nền tảng về dịch vụ tài chính số, dành cho tổ chức tài chính như ngân hàng, các công ty Fintech, ngân hàng thể hệ mới (neobanks) có nhu cầu xây mới hoặc chuyển dịch sang xu hướng modern core banking platform. VDFP là sản phẩm duy nhất tại Việt Nam được xây dựng theo hướng toàn trình end-to-end, dựa trên xu hướng Modern Banking, đáp ứng theo các quan điểm thiết kế hiện đại trên thế giới như MACH (Microservices - API first - Cloud Native - Headless), có khả năng tích hợp tốt với các hệ thống Công nghệ thông tin của đối tác, khách hàng.

2.5. Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số tiềm năng

Hệ thống robot Delta trong sản xuất bánh kẹo

VAS CORPORATION

Mô tả sản phẩm

Hệ thống robot tự động của VAS là hệ thống robot đầu tiên hoàn toàn do kỹ sư Việt Nam phát triển với tốc độ, độ chính xác, độ ổn định cao tương đương các hệ thống tự động nước ngoài với chi phí rất cạnh tranh. Hệ thống giúp các nhà máy chuyển đổi các dây chuyền thủ công sang tự động giúp tiết kiệm chi phí nhân công, đảm bảo độ chính xác trong quy trình sản xuất.

Hệ thống LLQ QA Platform

LACLONGQUAN

Up and Running

Mô tả sản phẩm

LLQ QA Platform là nền tảng quản lý dịch vụ kiểm thử khép kín (được phát triển hoàn toàn bởi công ty LLQ) với các tính năng phần tools của mô hình TCOE bao gồm: *Centralized Automation Testing Suite, Api Mockup, ISO Message Transform, Testing Center Management*. Ngoài ra còn một số bộ sản phẩm khác thuộc nền tảng như: *Content Collaboration, Workflow, RPA, De-ices farm...*

iTitan - Nền tảng khai phá, tổng hợp, phân tích & dự báo

iNet SOLUTIONS

Total Talent Solutions

Mô tả sản phẩm

CSDL, Files, các nền tảng số, dữ liệu mở, Data Hub... từ đó iTitan cung cấp bộ công cụ để khai phá, tổng hợp, phân tích & dự báo, trực quan dữ liệu bằng các biểu đồ, đồng thời xây dựng dashboard phục vụ các chiến lược của tổ chức/doanh nghiệp.

Nền tảng iTitan hỗ trợ với mọi mô hình dữ liệu (mô hình tập trung, phi tập trung, các mô hình phân tán trên nhiều trung tâm tích hợp dữ liệu...).



CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VỀ CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM



1. CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI TRUNG ƯƠNG

Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông, Bộ Thông tin và Truyền thông

1.1 Cơ cấu tổ chức (theo Quyết định số 1816/QĐ-BTTTT ngày 30/9/2022)

- Văn phòng;
- Phòng Chính sách;
- Phòng Quản lý chất lượng;
- Phòng Xúc tiến thương mại và đầu tư.

1.2 Chức năng nhiệm vụ

Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông là tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin.

1.3 Địa chỉ:

Tầng 19, Toà nhà Cục Tần số vô tuyến điện, 115 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24). 39436404

Website: www.makeinvietnam.mic.gov.vn

2. CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang

Địa chỉ: 01 Lê Hồng Phong, TP. Long Xuyên, An Giang

Điện thoại: (84-296) 395 6898;

Fax: (84-296) 395 6898

Website: www.sotthtt.angiang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: 198 Bạch Đằng, thị xã Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84-254) 351 2223;

Fax: (84-254) 351 2224

Website: www.sotthtt.baria-vungtau.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Số 16 Cù Chính Lan, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại: (84-291) 394 2555;

Website: www.stttt.baclieu.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn

Địa chỉ: Số 1 Phùng Chí Kiên, TP. Bắc Kạn, Bắc Kạn

Điện thoại: (84-209) 381 0198;

Fax: (84-209) 387 1064

Website: www.ict-backan.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ: Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang,
Bắc Giang
Điện thoại: (84-204) 355 5996,
Fax: (84-204) 355 5995
Website: www.stttt.bacgiang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ: 11A Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh
Điện thoại: (84-222) 387 5555
Fax: (84-203) 387 5000
Website: www.stttt.bacninh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre

Địa chỉ: Số 45, đại lộ Đồng Khởi, TP. Bến Tre,
Bến Tre
Điện thoại: (84-275) 381 8103;
Fax: (84-275) 381 8104
Website: www.stttt.bentre.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Dương

Địa chỉ: Tầng 14-tháp A, tòa nhà Trung tâm hành
chính tập trung Tỉnh, Bình Dương
Điện thoại: (84-274) 384 2999;
Fax: (84-220) 384 2300
Website: www.stttt.binhduong.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định

Địa chỉ: 460 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn,
Bình Định
Điện thoại: (84-256) 381 5519;
Fax: (84-256) 381 5517
Website: www.stttt.binh Dinh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Quốc lộ 14, thị xã Đồng Xoài, Bình Phước
Điện thoại: (84-271) 388 8207;
Fax: (84-271) 388 8201
Website: www.ict-binhphuoc.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Thuận

Địa chỉ: 192 Phạm Hùng, Phú Thủy,
TP. Phan Thiết, Bình Thuận
Điện thoại: (84-252) 383 3500; Fax: (84-252)
383 3501
Website: www.stttt.binhthuan.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: 284 Trần Hưng Đạo, TP. Cà Mau, Cà Mau
Điện thoại: (84-290) 356 7887;
Fax: (84-290) 356 7889
Website: www.sotttt.camau.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: 113 phố Cổ, thị xã Cao Bằng, Cao Bằng
Điện thoại: (84-206) 385 9818;
Fax: (84-206) 385 9866
Website: www.sotttt.caobang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Cần Thơ

Địa chỉ: 03A Nguyễn Trãi, Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: (84-292) 381 1502;
Fax: (84-292) 381 1502
Website: www.sotttt.cantho.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 24, tòa nhà Trung tâm hành chính,
số 42 Trần Phú, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 384 0123;
Fax: (84-236) 384 0124
Website: www.tttt.danang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Số 8 Lý Thái Tổ, TP. Buôn Ma Thuột,
Đắk Lắk
Điện thoại: (84-262) 3818 020;
Fax: (84-262) 386 0008
Website: www.stttt.daklak.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ: Đường 23 Tháng 3, thị xã Gia Nghĩa,
Đắk Nông
Điện thoại: (84-261) 626 0215;
Fax: (84-261) 626 0203
Website: www.sttttdaknong.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên

Điện chỉ: Phố 10, TP. Điện Biên Phủ, Điện Biên
Điện thoại: (84-215) 383 5666;
Fax: (84-215) 383 5669
Website: www.dic.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: Khu Chung cư B1,
đường Nguyễn Ái Quốc, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại: (84-251) 382 4841;
Fax: (84-251) 382 7071
Website: www.sttttdongnai.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ: 12 Trần Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp
Điện thoại: (84-277) 387 3999;
Fax: (84-277) 387 3999
Website: www.sttttdongthap.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: 17 Trần Hưng Đạo, TP. Pleiku, Gia Lai
Điện thoại: (84-269) 371 7564;
Fax: (84-269) 371 7564
Website: www.ttttgialai.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Giang

Địa chỉ: 222 Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, Hà Giang
Điện thoại: (84-219) 386 0986;
Fax: (84-219) 386 0988
Website: www.stttthagiang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP. Phủ Lý, Hà Nam
Điện thoại: (84-226) 384 4999;
Fax: (84-226) 384 4999
Website: www.hanam.gov.vn/vi-vn/stttt

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hà Nội

Địa chỉ: 185 Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3512 3536;
Fax: (84-24) 3736 6617
Website: www.ict-hanoi.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ: 66 Phan Đình Phùng, TP. Hà Tĩnh,
Hà Tĩnh
Điện thoại: (84-239) 385 0288
Website: www.ict-hatinh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: 199 Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương,
Hải Dương
Điện thoại: (84-220) 389 7350;
Fax: (84-220) 389 7345
Website: www.sotttt.haيدuong.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hải Phòng

Địa chỉ: 62 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền,
TP. Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 373 6907;
Fax: (84-225) 373 6907
Website: www.haiphong.gov.vn/sothongtintruyenthong

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ, TP. Vị Thanh,
Hậu Giang
Điện thoại: (84-293) 358 1345;
Fax: (84-293) 358 1345
Website: www.tttthaugiang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, TP. Hòa Bình,
Hòa Bình
Điện thoại: (84-218) 3898 678;
Fax: (84-218) 3897 780
Website: www.sothongtin.hoabinh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ: Đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hưng Yên,
Hưng Yên
Điện thoại: (84-221) 386 7089;
Fax: (84-221) 386 7090
Website: www.sotttt.hungyen.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 59 Lý Tự Trọng, 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3520 2727;
Fax: (84-28) 3520 2424
Website: www.ict-hcm.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ: Nhà A1, Khu liên cơ số 01 Trần Phú, TP.
Nha Trang, Khánh Hòa
Điện thoại: (84-258) 356 3531;
Fax: (84-258) 356 3530
Website: www.stttt.khanhhoa.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: 123-125 Nguyễn Hùng Sơn, TP. Rạch
Giá, Kiên Giang
Điện thoại: (84-297) 392 1616;
Fax: (84-297) 392 1600
Website: www.stttt.kien Giang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kon Tum

Địa chỉ: 112E Bà Triệu, TP. Kon Tum, Kon Tum
Điện thoại: (84-260) 391 5457;
Fax: (84-260) 391 2299
Website: www.stttt.kontum.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu

Địa chỉ: Tầng 7 nhà D, Trung tâm hành chính -
chính trị tỉnh Lai Châu, thị xã Lai Châu, Lai Châu
Điện thoại: (84-213) 379 1558;
Fax: (84-213) 379 1559
Website: www.sotttt.laichau.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn

Địa chỉ: 01 Mai Thế Chuẩn, TP. Lạng Sơn,
Lạng Sơn
Điện thoại: (84-205) 381 4918;
Fax: (84-205) 381 4614
Website: www.langson.gov.vn/bcv

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, TP. Lào Cai,
Lào Cai
Điện thoại: (84-214) 382 8666;
Fax: (84-214) 382 8667
Website: www.stttt.laocai.gov.vn/

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: 36 Trần Phú, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng
Điện thoại: (84-263) 354 1546;
Fax: (84-263) 354 1547
Website: www.stttt.lamdong.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Long An

Địa chỉ: 01A Huỳnh Việt Thanh, TP. Tân An,
Long An
Điện thoại: (84-272) 382 4888,
Fax: (84-272) 352 3567
Website: www.stttt.longan.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định

Địa chỉ: 250 Hùng Vương, TP. Nam Định, Nam
Định
Điện thoại: (84-228) 363 1115;
Fax: (84-228) 363 1330
Website: www.sotttt.namdinh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An

Địa chỉ: 06 Lê Hoàn, TP. Vinh, Nghệ An
 Điện thoại: (84-238) 359 9522;
 Fax: (84-238) 359 9522
 Website: www.tttt.nghean.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ: 04 Phạm Văn Nghị, TP. Ninh Bình,
 Ninh Bình
 Điện thoại: (84-229) 388 9238,
 Fax: (84-229) 388 9239
 Website: www.ttttninhbinh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận

Địa chỉ: 17 Nguyễn Trãi, TP. Phan Rang -
 Tháp Chàm, Ninh Thuận
 Điện thoại: (84-259) 392 0292;
 Fax: (84-68) 392 0292
 Website: www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/
 sottt

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, TP. Việt Trì,
 Phú Thọ
 Điện thoại: (84-210) 381 2494;
 Fax: (84-210) 381 1485
 Website: www.stttt.phutho.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên

Địa chỉ: 10 Trần Phú, TP. Tuy Hòa, Phú Yên
 Điện thoại: (84-257) 381 9958;
 Fax: (84-257) 381 9958
 Website: www.sotttt.phuyen.gov.vn/wps/portal/
 sotttt

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ: 02 Hương Giang, TP. Đồng Hới,
 Quảng Bình
 Điện thoại: (84-232) 384 4303;
 Fax: (84-232) 384 4456
 Website: www.stttt.quangbinh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, Quảng Nam
 Điện thoại: (84-235) 381 1758;
 Fax: (84-235) 381 1759
 Website: www.dptqnam.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi,
 Quảng Ngãi
 Điện thoại: (84-255) 371 1570;
 Fax: (84-255) 371 1577
 Website: www.stttt.quangngai.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: Trụ sở liên cơ quan số 02
 Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
 Điện thoại: (84-203) 363 8468;
 Fax: (84-203) 363 8822
 Website: www.quangninh.gov.vn/vi-VN/So/
 sothongtintt

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ: 51 Trần Hưng Đạo, TP. Đông Hà,
 Quảng Trị
 Điện thoại: (84-233) 355 4715;
 Fax: (84-233) 355 4711
 Website: www.quangtri-ict.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ: 56 Lê Duẩn, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng
 Điện thoại: (84-299) 362 1090;
 Fax: (84-299) 362 1171
 Website: www.sotttt.soctrang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La

Địa chỉ: Số 20, đường Hoàng Quốc Việt,
 TP. Sơn La, Sơn La
 Điện thoại: (84-212) 375 0983;
 Fax: (84-212) 375 0926
 Website: www.sotttt.sonla.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh

Địa chỉ: 06 Trần Quốc Toản, thị xã Tây Ninh,
Tây Ninh
Điện thoại: (84-276) 382 4666;
Fax: (84-267) 381 2878
Website: www.sotttt.tayninh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: 09 Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình,
Thái Bình
Điện thoại: (84-227) 374 3787;
Fax: (84-227) 374 3787
Website: www.sotttt.thaibinh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: 05 Nha Trang, TP. Thái Nguyên,
Thái Nguyên
Điện thoại: (84-208) 365 5369;
Fax: (84-208) 365 5336
Website: www.sotttt.thainguyen.gov.vn/

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: 32 Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hoá,
Thanh Hóa
Điện thoại: (84-237) 371 3988;
Fax: (84-237) 371 3985
Website: www.stttt.thanhhoa.gov.vn

**Sở Thông tin và Truyền thông
tỉnh Thừa Thiên - Huế**

Địa chỉ: 36 Phạm Văn Đồng, TP. Huế,
Thừa Thiên - Huế
Điện thoại: (84-234) 388 2333;
Fax: (84-234) 388 2444
Website: www.stttt.thuathienhue.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: 02 Lê Văn Duyệt, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang
Điện thoại: (84-273) 3888880;
Fax: (84-273) 388 8881
Website: www.stttt.tiengiang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: 06 Trưng Nữ Vương, TP. Trà Vinh,
Trà Vinh
Điện thoại: (84-294) 385 0856;
Fax: (84-294) 385 0850
Website: www.travinh.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ: 274 Tân Trào, TP. Tuyên Quang,
Tuyên Quang
Điện thoại: (84-207) 6251 858
Website: www.stttttuyenquang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ: 35 Đường 2 Tháng 9, TP. Vĩnh Long,
Vĩnh Long
Điện thoại: (84-270) 383 6333;
Fax: (84-270) 383 6444
Website: www.stttt.vinhlong.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ: 396 Mê Linh, TP. Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
Điện thoại: (84-211) 384 6464;
Fax: (84-211) 384 6488
Website: www.sotttt.vinhphuc.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái

Địa chỉ: Tổ 55, phường Đồng Tâm, TP. Yên
Bái, Yên Bái
Điện thoại: (84-216) 385 8959;
Fax: (84-219) 385 8929
Website: www.sotttt.yenbai.gov.vn

3. CÁC HỘI/HIỆP HỘI NGHỀ NGHIỆP LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Hội Tin học Việt Nam (VAIP)

Trụ sở chính: Tầng 06, 14 Trần Hưng Đạo,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 38211725
Fax: (84-24) 38211708
Website: www.vaip.org.vn

Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA)

Trụ sở chính: Tầng 11, tòa nhà Cung Trí thức,
Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3577 2336
Fax: (84-24) 3577 2337
Website: www.vinasa.org.vn

Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam (VEIA)

Trụ sở chính: Tầng 11, tòa nhà MIPEC TOWER
229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 933 2845
Fax: (84-24) 3933 2846
Website: www.veia.org.vn

Hiệp hội Internet Việt Nam (VIA)

Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa IC, số 82 phố Duy
Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3633 0355
Fax (84-24) 3633 0481
Website: www.via.org.vn

Hiệp hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam (REV)

Trụ sở chính: Tầng 02, 57 Vũ Thạnh, Đống Đa,
Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6295 9849
Fax: (84-24) 3512 3614
Website: www.rev.org.vn

Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM)

Trụ sở chính: Phòng 702, tầng 7, tòa nhà HKC
số 285, Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình,
Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6278 4479
Website: www.vecom.vn

Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA)

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Báo Nông thôn Ngày
nay, ngõ 68 Dương Đình Nghệ, Yên
Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3633 8833
Fax: (84-24) 3633 9933
Website: www.vdca.org.vn

Hội Tin học TP. Hồ Chí Minh (HCA)

Trụ sở chính: Tầng 9, số 224 Điện Biên Phủ,
P.7, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3932 0999
Website: www.hca.org.vn

Hội Tin học Viễn thông Hà Nội

Địa chỉ: Số 98 Đường Hoàng Quốc Việt,
Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 0916332286
Website: hanict.org.vn

BAN BIÊN SOẠN SÁCH TRẮNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 2024

(Theo quyết định số 42/QĐ-CNICT ngày 24/6/2024)

- Ông Nguyễn Thanh Tuyên, Phó Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông, Trưởng Ban Biên soạn.
- Ông Trương Hữu Chung, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Xúc tiến thương mại và đầu tư, Phó Trưởng Ban Biên soạn.
- Ông Đỗ Trường Giang, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Chính sách, thành viên;
- Ông Nguyễn Anh Tuấn, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý chất lượng, thành viên;
- Ông Nguyễn Đức Toàn, Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông, thành viên.

TỔ GIÚP VIỆC

- Ông Trương Hữu Chung, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Xúc tiến thương mại và Đầu tư, Tổ trưởng.
- Ông Nguyễn Tiến Hưng, Chuyên viên chính Phòng Xúc tiến thương mại và Đầu tư, thành viên.
- Ông Phạm Trọng Thanh, Chuyên viên chính Phòng Xúc tiến thương mại và Đầu tư, thành viên.
- Bà Đặng Thị Diệu Thúy, Chuyên viên Phòng Xúc tiến thương mại và đầu tư, thành viên.
- Bà Nguyễn Việt Nga, Chuyên viên chính Phòng Quản lý chất lượng, thành viên.
- Bà Chu Hồng Trang, Chuyên viên chính Phòng Chính sách, thành viên.
- Ông Đào Thanh Bình, Chuyên viên chính Văn phòng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông, thành viên.
- Ông Nguyễn Sỹ Hiễn, Chuyên viên Phòng Xúc tiến thương mại và Đầu tư, thành viên.

SÁCH TRẮNG

CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VIỆT NAM

2024

Chịu trách nhiệm biên soạn nội dung

CỤC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Tài liệu này do Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin và Truyền thông - Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì biên soạn. Mọi trích dẫn thông tin từ tài liệu này phải nêu rõ nguồn "Sách Trắng Công nghiệp Công nghệ thông tin Việt Nam năm 2024" của Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin và Truyền - Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập

TS. Trần Chí Đạt

Chịu trách nhiệm bản thảo

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập

Ngô Thị Mỹ Hạnh

Biên tập: Nguyễn Long Biên, Nguyễn Thọ Việt

Thiết kế và trình bày: Trần Hồng Minh, Lê Thanh Vân

Sửa bản in: Nguyễn Long Biên, Nguyễn Thọ Việt

In 500 cuốn, khổ 16x24 cm, tại Công ty TNHH In Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Địa chỉ: Số 352 đường Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 5038-2024/CXBIPH/3-167/TTTT

Số quyết định xuất bản số: 644/QĐ-NXBTTTT ngày 12/12/2024

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2024

ISBN: 978-604-80-3064-3